

Số: /BC-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO**Tổng kết việc thi hành Luật Bưu chính năm 2010**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiến hành tổng kết việc thi hành Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 17/6/2010, có hiệu lực từ ngày 01/11/2011 (Luật Bưu chính năm 2010). Kết quả cụ thể như sau:

A. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT**I. Bối cảnh trong nước và quốc tế****1. Bối cảnh quốc tế**

Ngành bưu chính toàn cầu đang trải qua một cuộc thay đổi cấu trúc sâu sắc. Kỷ nguyên số hóa đã giáng một đòn mạnh vào dịch vụ thư từ truyền thống, nhưng đồng thời lại mở ra kỷ nguyên bùng nổ cho bưu kiện nhờ thương mại điện tử:

Khối lượng thư từ lao dốc: Trong giai đoạn 2000-2024, sản lượng thư nội địa toàn cầu đã giảm tới 55%. Sự suy giảm này vẫn tiếp diễn khi năm 2023, khối lượng thư nội địa giảm thêm 8% (chỉ còn khoảng 225 tỷ bưu gửi, bằng 67% mức của năm 2014). Mảng quốc tế còn ảm đạm hơn khi tỷ lệ quốc tế hóa của thư từ đã rơi từ mức 5,3% (năm 1913) xuống vón vện 0,5% vào năm 2024.

Sự bùng nổ của bưu kiện: Trái ngược với thư từ, khối lượng bưu kiện nội địa đã tăng vọt hơn 500% trong vòng hai thập kỷ qua. Dù chững lại nhẹ vào năm 2023 (giảm 0,6%), xu hướng dài hạn vẫn là sự gia tăng mạnh mẽ.

Cột mốc doanh thu mới: Sự dịch chuyển này đã tạo ra một dấu mốc lịch sử trong năm 2023 khi doanh thu toàn cầu từ bưu kiện và logistics (32,5%) đã chính thức vượt qua doanh thu từ thư từ (32,4%). Tổng doanh thu danh nghĩa toàn ngành đạt 328 tỷ SDR (tăng 1,5%).

Tuy nhiên, sự dịch chuyển này đang đi kèm với áp lực cạnh tranh vô cùng khốc liệt. Các nhà khai thác bưu chính quốc gia đang bị giành giật thị phần dữ dội bởi các công ty logistics tư nhân, nền tảng thương mại điện tử tự xây dựng mạng lưới giao nhận và các ứng dụng giao hàng công nghệ. Những đối thủ này sở hữu lợi thế vượt trội nhờ mô hình kinh doanh linh hoạt, khả năng ứng dụng công nghệ lõi liền mạch và luôn lấy khách hàng làm trung tâm.

Chính việc cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp bưu chính đã đẩy ngành bưu chính vào ranh giới khủng hoảng, nhưng đồng thời cũng tạo ra động lực bứt phá to lớn. Để không bị đào thải, việc rũ bỏ chiếc áo truyền thống để chuyển đổi toàn diện vào nền kinh tế số là con đường sống còn. Sự linh hoạt, năng lực đổi mới sáng tạo và định hướng phát triển bền vững sẽ là những yếu tố then chốt giúp ngành bưu chính giành lại vị thế và tiếp tục giữ vai trò then chốt trong kỷ nguyên thương mại mới.

2. Bối cảnh trong nước

Kể từ khi Luật Bưu chính 2010 ra đời, thị trường đã chứng kiến sự tăng trưởng vượt bậc. Số lượng doanh nghiệp bưu chính (DNBC) tăng gần 19 lần, từ 40 (năm 2010) lên 757 (năm 2025). Dù hơn 95% là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, thị trường vẫn đang được dẫn dắt bởi các "ông lớn" gốc nhà nước (như VNPost, Viettel Post) và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nắm giữ tới 93% thị phần. Bên cạnh đó, sự trỗi dậy của các startup gắn liền với thương mại điện tử (Giao hàng tiết kiệm, Giao hàng nhanh, SPX Express, Thuận Phong J&T) và các mô hình kinh tế chia sẻ (Grab, Ahamove, Xanh SM) đã tạo ra một môi trường cạnh tranh công nghệ vô cùng quyết liệt.

Bưu chính đã vươn lên trở thành hạ tầng thiết yếu và là nền tảng cho thương mại điện tử. Năm 2025, doanh thu toàn ngành đạt 87.100 tỷ đồng (tăng 21,7 lần so với 2010), sản lượng đạt 4.040 triệu bưu gửi, và đóng góp ngân sách tăng gần 6 lần chỉ trong giai đoạn 2018-2025. Các DNBC không chỉ làm chuyển phát truyền thống mà còn mở rộng mạnh mẽ sang các dịch vụ giá trị gia tăng (COD, tài chính, đại lý ngân hàng). Đặc biệt, bưu chính còn đóng vai trò trọng yếu trong cải cách hành chính thông qua việc cung cấp dịch vụ công ích, tiếp nhận/tra kết quả thủ tục hành chính và phục vụ mạng lưới thông tin cho cơ quan Đảng, Nhà nước (KT1).

Cùng với sự tăng trưởng về kinh tế, hạ tầng bưu chính đã vươn sâu rộng với hơn 23.900 điểm phục vụ trên toàn quốc. Mạng lưới vươn tới tận cấp xã giúp bán kính phục vụ bình quân được thu hẹp đáng kể, tạo điều kiện thuận lợi tối đa để người dân mọi miền, đặc biệt là ở vùng sâu vùng xa, dễ dàng tiếp cận các dịch vụ, qua đó thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, cùng với sự phát triển, lĩnh vực bưu chính cũng đặt ra nhiều thách thức đối với các cơ quan quản lý trong việc: Tạo cơ chế thúc đẩy chia sẻ, phát triển hạ tầng tập trung, tránh lãng phí; đảm bảo an toàn, an ninh trong lĩnh vực bưu chính; duy trì và cải thiện hiệu quả dịch vụ bưu chính phổ cập; thúc đẩy vận hành, quản lý dựa trên dữ liệu bưu chính số.

II. Quá trình thực hiện tổng kết

Việc tổng kết thi hành Luật Bưu chính năm 2010 và xây dựng dự án Luật Bưu chính (sửa đổi) thay thế Luật Bưu chính năm 2010 được thực hiện từ năm 2025 đến nay trên cơ sở và theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 (Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm

2025), Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Chương trình lập pháp năm 2026, Quyết định số 2352/QĐ-TTg ngày 24/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ phân công cơ quan chủ trì soạn thảo và thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2026. Theo đó:

- Ngày 14/12/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản số 7665/BKHCN-BC gửi Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Đoàn đại biểu Quốc hội, các Bộ, cơ quan ngang bộ thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp Hội Bưu chính Việt Nam lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức theo quy định về dự thảo hồ sơ chính sách Luật Bưu chính (sửa đổi).

- Ngày 15/12/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản số 7691/BKHCN-BC gửi Cổng thông tin điện tử Chính phủ về việc đăng tải dự thảo hồ sơ chính sách Luật Bưu chính (sửa đổi) trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ.

- Ngày 15/12/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản số 7692/BKHCN-BC gửi các doanh nghiệp bưu chính (đối tượng chịu tác động trực tiếp) về việc lấy ý kiến đối với dự thảo hồ sơ chính sách Luật Bưu chính (sửa đổi).

- Ngày 30/12/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổ chức Diễn đàn doanh nghiệp bưu chính năm 2025 với 25 doanh nghiệp bưu chính, Hiệp hội Bưu chính Việt Nam, Sở KHCN một số tỉnh thuộc khu vực miền bắc để tổng kết, đánh giá thi hành Luật Bưu chính năm 2010, rà soát vướng mắc trong quá trình thực hiện và đề xuất sơ bộ các nội dung đưa vào Luật Bưu chính (sửa đổi) thay thế Luật Bưu chính năm 2010.

- Trên cơ sở nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, Bộ Khoa học và Công nghệ đã hoàn thiện Hồ sơ chính sách Luật Bưu chính (sửa đổi). Ngày 31/3/2026, Bộ Khoa học và Công nghệ có Văn bản số 1900/BKHCN-BC gửi Bộ Tư pháp thẩm định Hồ sơ chính sách Luật Bưu chính (sửa đổi).

- Ngày 14/4/2026, Bộ Tư pháp đã tổ chức cuộc họp Hội đồng thẩm định Hồ sơ dự án Luật Bưu chính (sửa đổi). Ngày 22/4/2026, Bộ Tư pháp ban hành Báo cáo thẩm định số 164/BCTĐ-BTP về Chính sách của Luật Bưu chính (sửa đổi).

- Ngày 06/5/2026, Bộ Khoa học và Công nghệ có Tờ trình số 92/TTr-BKHCN gửi Chính phủ về Hồ sơ chính sách của Luật Bưu chính (sửa đổi).

- Ngày 15/5/2026, Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản số 3210/BKHCN-BC tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ về Chính sách của Luật Bưu chính (sửa đổi).

- Ngày 17/5/2026, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 129/NQ-CP thông qua các chính sách của Luật Bưu chính (sửa đổi).

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. VỀ CÔNG TÁC THI HÀNH LUẬT BƯU CHÍNH

1. Công tác ban hành văn bản QPPL quy định chi tiết thi hành Luật

Sau khi Luật Bưu chính được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2010, để chuẩn bị cho việc triển khai thực thi Luật được thuận lợi, Chính phủ đã ban hành các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Bưu chính và Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ - viết tắt là Bộ KHCN) đã ban hành các Thông tư hướng dẫn chi tiết các điều, khoản thực hiện Luật và Nghị định. Hệ thống văn bản pháp luật về bưu chính đã được ban hành tương đối đồng bộ, kịp thời, đầy đủ và bảo đảm đúng quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL).

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

2. Công tác tổ chức thi hành Luật

2.1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn các quy định của Luật Bưu chính và văn bản hướng dẫn

Từ năm 2011 đến nay, Bộ KHCN đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức khoảng 30 hội nghị, hội thảo tại cả 3 miền Bắc – Trung – Nam và tổ chức nhiều lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nhằm quán triệt, phổ biến Luật Bưu chính và các văn bản hướng dẫn thi hành cho các doanh nghiệp bưu chính (DNBC), các cơ quan quản lý nhà nước (QLNN) về bưu chính ở địa phương; hỏi đáp, chia sẻ kinh nghiệm trong công tác quản lý nhà nước; giải đáp các thắc mắc, kiến nghị của DNBC trong cung ứng dịch vụ bưu chính.

Việc tuyên truyền, phổ biến cũng được thực hiện thông qua nhiều hình thức khác nhau như: Tổ chức các hội nghị phổ biến tập trung hoặc theo đề nghị riêng của cơ quan, đơn vị; phát hành văn bản hướng dẫn, giải đáp thắc mắc, trả lời kiến nghị của các Sở Thông tin và Truyền thông (nay là Sở Khoa học và Công nghệ), các DNBC.

Thông qua công tác tuyên truyền, phổ biến, giải đáp pháp luật về bưu chính, Bộ KHCN đã kịp thời nắm bắt những vướng mắc mà các DNBC, cơ quan QLNN ở địa phương gặp phải trong quá trình triển khai Luật. Đây là những cơ sở thực tiễn quý báu phục vụ cho công tác tham mưu Lãnh đạo các cấp xem xét sửa đổi, bổ sung Luật Bưu chính để đảm bảo các quy định phù hợp với thực tế cuộc sống và yêu cầu quản lý nhà nước; từng bước nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý của cơ quan quản lý nhà nước; tiếp tục tạo hành lang pháp lý thuận lợi, thúc đẩy cạnh tranh, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia hoạt động bưu chính trong môi trường công bằng, minh bạch, cạnh tranh lành mạnh, có sự quản lý của Nhà nước.

2.2. Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật hành chính

Đối với dịch vụ bưu chính công ích, Bộ KHCN (Vụ Bưu chính) tập trung vào công tác kiểm tra chất lượng và hệ thống báo cáo thống kê dịch vụ bưu chính công ích của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (VNPost). Công việc này được thực hiện hàng năm trong suốt nhiều năm qua.

Đối với dịch vụ bưu chính không thuộc dịch vụ bưu chính công ích (dịch vụ cạnh tranh), hàng năm, Bộ KHCN (Thanh tra Bộ - nay Cục 12 thuộc Thanh tra Chính phủ - phối hợp với Vụ Bưu chính) và các Sở KHCN thực hiện thanh tra, kiểm tra các DNBC (theo kế hoạch hoặc đột xuất) việc thực hiện các quy định về chế độ báo cáo thống kê, thông báo giá cước, khuyến mại, đảm bảo an toàn an ninh bưu gửi...

Thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, DNBC nhận thức đầy đủ hơn, hiểu rõ và có trách nhiệm hơn trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật về bưu chính, đồng thời, cơ quan quản lý nhà nước về bưu chính cũng kịp thời nắm bắt những lỗ hổng, những vướng mắc trong các quy định hiện hành để kịp thời điều chỉnh. Nhìn chung, công tác thanh, kiểm tra chuyên ngành đã được thực hiện nghiêm minh, công bằng, giúp cho thị trường bưu chính phát triển ổn định.

Từ năm 2011 đến năm 2024 (trước thời điểm Thanh tra các Bộ được chuyển giao về Thanh tra Chính phủ), Thanh tra Bộ đã tiến hành thanh tra 106 cuộc, trong đó: Thanh tra theo Kế hoạch 54 cuộc, thanh tra đột xuất 32 cuộc, kiểm tra 20 cuộc. Tổng số tiền xử phạt 1.005.500.000 đồng, cụ thể:

Năm	Thanh tra kế hoạch (DN)	Thanh tra đột xuất (DN)	Kiểm tra (DN)	Tổng số tiền xử phạt (đồng)
2011	4	7		136.000.000
2012	4	3		77.000.000
2013	3	7		132.500.000
2014	6	5		62.000.000
2015	7	3		72.000.000
2016	7	4		35.000.000
2017	6	0	12	3.000.000
2018	6	0		22.000.000
2019	5	0		0
2020	2	2		260.000.000
2021	1	0		10.000.000
2022	2	0	3	76.000.000
2023	1	1	2	86.000.000
2024	0	0	3	34.500.000
Tổng	54	32	20	1.005.500.000

2.3. Công tác phối hợp với các Bộ ngành địa phương thực hiện QLNN về bưu chính

Bộ KHCN đã chủ trì, phối hợp Bộ Công an, Bộ Công Thương (Tổng cục Quản lý thị trường) tập huấn các văn bản pháp luật liên quan đến an toàn, an ninh; phổ biến kiến thức, trang bị một số kỹ năng nhận biết vật cấm gửi qua đường bưu chính.

Bộ KHCN đã tích cực phối hợp với Bộ Công Thương (Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia) kiểm tra việc tuân thủ pháp luật cạnh tranh của một số DNBC hàng đầu.

Trong công tác thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bưu chính, văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (GPBC/XNTB): Trước tháng 7/2022, 100% hồ sơ đề nghị cấp GPBC/XNTB của DNBC có yếu tố nước ngoài được Bộ KHCN gửi lấy ý kiến Bộ Công an (A03) để bảo đảm công tác phối hợp. Từ tháng 7/2022, bên cạnh các DNBC có yếu tố nước ngoài, 100% hồ sơ đề nghị cấp GPBC/XNTB của DNBC có vốn điều lệ trên 10 tỷ đồng, có mạng lưới rộng, có nghi vấn về bảo đảm an toàn, an ninh và có mô hình hoạt động, cung cấp dịch vụ theo hình thức mới được Bộ KHCN gửi lấy ý kiến Bộ Công an (A03) để tăng cường công tác phối hợp, đảm bảo an ninh trong lĩnh vực bưu chính.

Bên cạnh đó, định kỳ hàng quý, Bộ KHCN cung cấp thông tin cho các đơn vị chức năng thuộc Bộ Công an (A03, A06) về việc cấp GPBC/XNTB của 100% DNBC để theo dõi, giám sát việc chấp hành việc tuân thủ quy định đảm bảo an ninh trong lĩnh vực bưu chính.

Bộ KHCN thường xuyên triển khai công tác phối hợp giữa Bộ với các Sở KHCN trong lĩnh vực QLNN về bưu chính. Nội dung phối hợp tập trung vào các vấn đề: Quản lý chất lượng, giá cước dịch vụ bưu chính công ích, ngoài công ích; kiểm tra dịch vụ bưu chính KT1 theo Quyết định số 37/2021/QĐ-TTg ngày 18/12/2021 về Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước; dịch vụ hành chính công theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; việc triển khai Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; kiểm tra việc tuân thủ quy định đảm bảo an toàn, an ninh trong lĩnh vực bưu chính;...

2.4. Công tác cải cách hành chính trong hoạt động quản lý bưu chính

Các điều kiện về cấp GPBC/XNTB cơ bản được quy định rõ ràng, công khai, minh bạch và có hướng dẫn chi tiết tại Nghị định số 47/2011/NĐ-CP và Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 47/2011/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục cấp phép ngày càng được cải thiện, 100% các thủ tục hành chính trong lĩnh vực bưu chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công toàn trình từ năm 2024. Bên cạnh đó, Bộ KHCN cũng đẩy mạnh công tác cải cách hành chính thông qua việc bãi bỏ, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cụ thể như sau:

- Bãi bỏ quy định “Dự án có vốn đầu tư nước ngoài có mức vốn dưới 15 tỷ đồng Việt Nam phải được thẩm tra nhưng không phải trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư” và “Dự án có vốn đầu tư nước ngoài có mức vốn từ 15 tỷ đồng Việt Nam trở lên phải được thẩm tra trước khi trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư” tại Điều 3 Nghị định số 47/2011/NĐ-CP.

- Bãi bỏ quy định điều kiện DN phải có mức vốn tối thiểu là 02 tỷ đồng Việt Nam đối với trường hợp cung ứng dịch vụ bưu chính trong phạm vi nội tỉnh, liên tỉnh và mức vốn tối thiểu là 05 tỷ đồng Việt Nam đối với trường hợp cung ứng dịch vụ bưu chính quốc tế khi làm thủ tục đề nghị cấp GPBC.

- Bãi bỏ yêu cầu về “Phân tích tính khả thi và lợi ích kinh tế - xã hội của phương án thông qua các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, chi phí, số lượng lao động, thuế nộp ngân sách nhà nước, tỷ lệ hoàn vốn đầu tư trong 03 năm tới kể từ năm đề nghị cấp phép” trong hồ sơ đề nghị cấp GPBC.

- Sửa theo hướng chỉ quy định 01 phương thức nộp hồ sơ đề nghị cấp phép bưu chính “qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến” (thay cho phương thức nộp truyền thống: nộp trực tiếp; gửi qua dịch vụ bưu chính; qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến).

Quy định này nhằm đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong cung cấp dịch vụ công và đồng bộ với quá trình cải cách thể chế và thủ tục hành chính trong lĩnh vực bưu chính.

2.5. Công tác quản lý thị trường bưu chính

Trong khoảng 15 năm qua, kể từ khi Luật Bưu chính 2010 đã tạo hành lang pháp lý để thị trường bưu chính phát triển mạnh mẽ, cụ thể như sau:

a) Về Doanh nghiệp bưu chính (DNBC):

- Số lượng DNBC tăng nhanh: Nếu năm 2010 mới có 40 DN được cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bưu chính GPBC/XNTB thì đến năm 2025, sau khi rà soát số doanh nghiệp không hoạt động bưu chính (đã nộp lại giấy phép, xác nhận thông báo được Bộ TTTT cấp, đã ngừng/tạm ngừng kinh doanh và thông báo về Sở KHĐT nơi đóng trụ sở chính), số DNBC Bộ cấp 757 (tương đương mức tăng gần 19 lần so với năm 2010), trong đó có hơn 99% DN là DN thuộc thành phần kinh tế tư nhân.

Bảng 1: Số lượng DN hoạt động trong lĩnh vực bưu chính giai đoạn 2011 - 2025¹

Năm	Số lượng DN đã được cấp GPBC/XNTB
2010	40
2011	50
2012	79
2013	110
2014	135
2015	180
2016	234
2017	315
2018	392
2019	468
2020	573
2021	659
2022	766
2023	717
2024	740
2025	757

Giữ vai trò quan trọng trên thị trường phải kể đến các DNBC lớn của Nhà nước như Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (VNPost) và Tổng công ty Cổ phần bưu chính Viettel (Viettel Post). Hai DN này có mạng lưới điểm phục vụ rộng khắp đến tận cấp xã, nguồn nhân lực dồi dào và tiếp tục là DN hàng đầu trong lĩnh vực bưu chính Việt Nam (năm 2024, 02 DN này chiếm khoảng 15% sản lượng và 23% doanh thu bưu chính toàn thị trường). Gần đây, VNPost, Viettel Post đang phát triển nhanh chóng, mở rộng phạm vi hoạt động sang nhiều mảng dịch vụ mới nhằm gia tăng doanh thu, nâng cao năng suất lao động. Việc đầu tư vào công nghệ, vào chuyển đổi số được cho là nguyên nhân chính để đạt được mức tăng trưởng trong thời gian qua và trong giai đoạn tới.

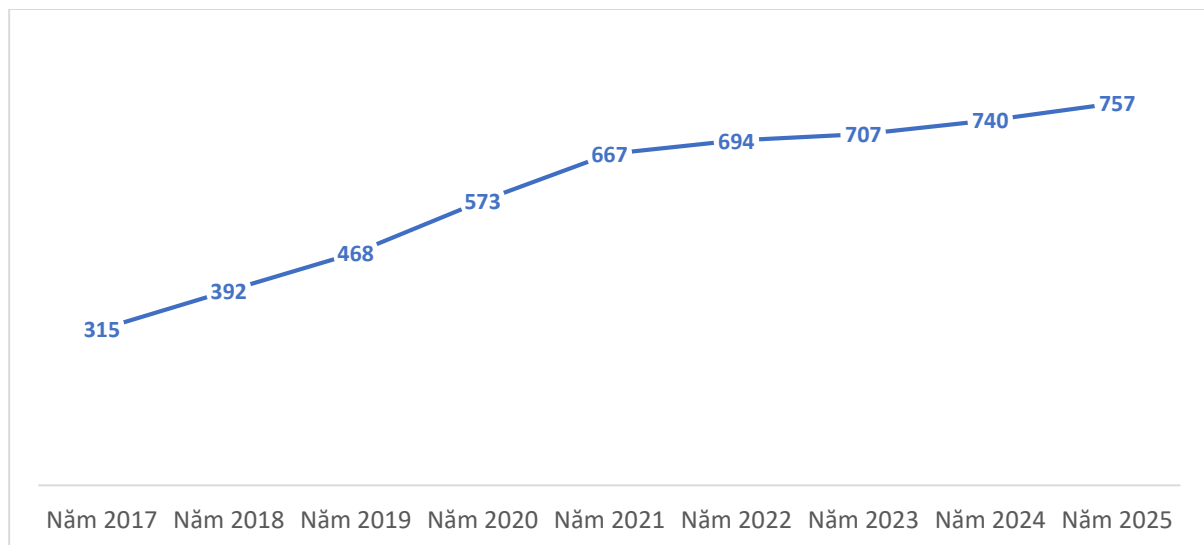
¹ Danh sách các DN được GPBC/XNTB chi tiết tại địa chỉ: <https://mst.gov.vn/danh-sach-cac-doanh-nghiep-da-duoc-cap-phep-xac-nhan-thong-bao-hoat-dong-buu-chinh-197132368.htm>

Bên cạnh đó, nhiều hãng chuyển phát đa quốc gia hàng đầu trên thế giới như DHL, UPS, FedEx... cũng đã tham gia hoạt động tích cực tại thị trường Việt Nam với trình độ quản lý chuyên nghiệp, công nghệ hiện đại.

Ngoài các DN đã hoạt động ổn định và chiếm được thị phần đáng kể, các DN mới thành lập, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ hoặc gắn với sự phát triển thương mại điện tử đang mở rộng hoạt động nhanh chóng và có tốc độ tăng trưởng rất lớn. Điển hình trong các DN khởi nghiệp này là SPX, Flex Speed, Giao hàng Tiết kiệm (GHTK), Giao Hàng Nhanh (GHN), Thuận Phong (J&T Express) tận dụng sự phát triển TMĐT, ứng dụng triệt để công nghệ trong tất cả các công đoạn của quá trình cung ứng dịch vụ, quản trị nội bộ và đó chính là chìa khóa để các DN này cạnh tranh thành công trên thị trường.

Bên cạnh đó, cũng phải kể đến các DNBC hoạt động theo mô hình mới áp dụng mô hình kinh tế chia sẻ thực hiện việc nhận và phát bưu gửi trực tiếp từ người gửi tới người nhận qua các đối tác tài xế, không cần bưu cục, như Grab, Ahamove, Lalamove, Xanh SM cũng đã và đang phát triển và cạnh tranh quyết liệt trên thị trường bưu chính Việt Nam.

*** Biểu đồ số liệu DNBC đang hoạt động giai đoạn 2017 - 2025**



b) Về dịch vụ bưu chính:

Sau 15 năm kể từ khi Luật Bưu chính ra đời (2010), lĩnh vực bưu chính đã có sự phát triển mạnh mẽ và từng bước trở thành hạ tầng thiết yếu của xã hội và là nền tảng cho sự phát triển của TMĐT:

- Về quy mô lĩnh vực: Số DNBC tham gia thị trường tăng trên 19 lần; trong đó xuất hiện DNBC ở các thành phần kinh tế khác nhau, DNBC có yếu tố công nghệ, DNBC lớn quy mô doanh thu 1.000 tỷ đồng trở lên, cá biệt có DNBC quy mô doanh thu trên 10.000 tỷ đồng.

- Về hiệu quả hoạt động của lĩnh vực: Các DNBC hoạt động có sự tăng trưởng; Doanh thu từ dịch vụ bưu chính của các doanh nghiệp tăng trên 20 lần, tạo nhiều

công ăn việc làm cho xã hội (số lao động tăng hơn 2 lần, nếu tính cả tài xế giao hàng của 1 số doanh nghiệp bưu chính công nghệ thì số lao động tăng khoảng 4 lần, tương đương trên 22 vạn người).

- Về đóng góp cho ngân sách Nhà nước: Năm 2025 tăng 5,8 lần so với năm 2018 (~ 8.000 tỷ đồng so với 1.371 tỷ đồng).

Bảng 2: Số liệu về thị trường bưu chính sau 15 năm kể từ khi Luật Bưu chính được thông qua (2011 - 2025)

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Số liệu 2010	Số liệu 2025	Mức tăng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Số DNBC đang hoạt động	DN	40	757	+ 18,9 lần
2	Doanh thu từ dịch vụ bưu chính	Tỷ đồng	4.017	87.100	+ 21,7 lần
3	Số lao động (chỉ tính số lao động có hợp đồng lao động trên 1 năm)	Người	48.964	113.400	+ 2,3 lần
4	Sản lượng bưu gửi (bao gồm: thư, gói, kiện hàng hóa)	Triệu bưu	330	4.040	+ 12,2 lần
5	Tổng số điểm phục vụ bưu chính	Điểm	16.436	23.900	+ 1,5 lần

Sự thay đổi nhu cầu cơ bản dẫn đến ngành bưu chính đã có chuyển hướng để khai thác dịch vụ bưu chính công ích phục vụ các nhu cầu mới. Bên cạnh các dịch vụ mang tính cạnh tranh thì lĩnh vực chính đã tham gia tích cực vào nhóm nhiệm vụ phục vụ cải cách hành chính và phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Nhà nước với dịch vụ tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích (theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 468/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, doanh nghiệp bưu chính công ích) VNPost tham gia tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện một số công việc tại bộ phận một cửa các cấp nhằm góp phần tạo thuận lợi cho người dân, DN giảm thời gian đi lại và chi phí xã hội.

Về dịch vụ bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước KT1 (theo Quyết định số 32/2025/QĐ-TTg ngày 08/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ): Tính đến năm 2025, 37/37 Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và nhiều Bộ/ngành đã công bố danh mục các thủ tục hành chính được tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích. Dịch vụ bưu chính bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước (KT1) thời gian qua đã đáp ứng yêu cầu,

bảo đảm thông tin bưu chính phục vụ sự chỉ đạo, điều hành từ trung ương đến địa phương của các cơ quan Đảng và Nhà nước liên tục, thông suốt và ổn định 24/7.

Bên cạnh các dịch vụ truyền thông, DNBC đã mở rộng các dịch vụ khác có yếu tố giá trị gia tăng (với chất lượng cao), như: dịch vụ EMS, VNQuickpost, bưu phẩm khai giá, nhất là các dịch vụ giao hàng chặng cuối, phát hàng thu tiền (COD), dịch vụ tài chính bưu chính, dịch vụ cấp đổi hộ chiếu; chuyển phát Chứng minh thư nhân dân; đại lý dịch vụ ngân hàng; đại lý dịch vụ bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ; chuyển tiền; điện hoa - quà tặng; phân phối sim, thẻ điện thoại vật lý hoặc mã thẻ; phát triển thuê bao, các dịch vụ gia tăng cho các nhà mạng,...

c) Về loại hình DNBC

Trên 95% DN tham gia hoạt động bưu chính là các DN nhỏ, siêu nhỏ với năng lực tài chính hạn chế (DN có vốn điều lệ <50 tỷ đồng).

d) Về thị phần bưu chính

Hết năm 2025, 93% thị phần về sản lượng bưu chính thuộc về các DN nhà nước, DN có cổ phần từ DN Nhà nước và các DN có vốn đầu tư nước ngoài. Đây là các DN chuyên kinh doanh trong lĩnh vực bưu chính, có số vốn điều lệ lớn và quy mô mạng lưới rộng khắp cả nước.

Các DNBC hàng đầu có thể kể tới các DN Nhà nước, DN có cổ phần từ DN Nhà nước, như: VNPost, Viettel Post, EMS và các DN có vốn đầu tư nước ngoài/yếu tố nước ngoài, như: GHTK, Shopee Express (SPX), GHN, Thuận Phong (J&T Express), DHL-VNPT, FedEx Việt Nam, UPS Việt Nam.

đ) Về mạng lưới bưu chính

Trước năm 1998, cả nước chỉ có hơn 3.000 điểm phục vụ thuộc mạng bưu chính công cộng, tập trung chủ yếu ở các thành phố, thị xã; bình quân cứ 25.500 người và trên 110 km² (tương đương bán kính 10,5 km) mới có 1 điểm phục vụ.

Năm 2010, tổng số điểm phục vụ bưu chính của toàn thị trường khoảng 16.450 điểm. Đến hết năm 2025, con số này đã là trên 23.450 điểm, trong đó 13.582 điểm thuộc mạng bưu chính công cộng (đạt 2,89 km²/điểm phục vụ). Sau 15 năm, bán kính phục vụ bình quân/điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng đã được rút ngắn 4,7 lần giúp cho người dân Việt Nam tiếp cận các dịch vụ bưu chính công ích, các dịch vụ bưu chính khác được thuận tiện hơn rất nhiều, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội, đời sống người dân trong cả nước, đặc biệt ở những vùng sâu, vùng xa.

2.6. Công tác đảm bảo an toàn, an ninh trong bưu chính

Liên quan đến công tác bảo đảm an toàn, an ninh bưu chính:

Điều 7 Luật Bưu chính quy định về “Các hành vi bị cấm”, trong đó có các hành vi:

“1. Gửi, chấp nhận, vận chuyển và phát bưu gửi có nội dung kích động, gây mất an ninh, phá hoại đoàn kết dân tộc, chống phá Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

...

10. Hoạt động bưu chính trái pháp luật”.

Điều 12 Luật Bưu chính quy định về “Vật phẩm, hàng hoá không được gửi, chấp nhận, vận chuyển qua mạng bưu chính”, trong đó bao gồm:

“1. Vật phẩm, hàng hóa mà pháp luật của Việt Nam quy định cấm lưu thông”.

Về trách nhiệm của DNBC trong việc kiểm soát nội dung bưu gửi: Theo Luật Bưu chính, DNBC có nghĩa vụ: “Kiểm tra nội dung gói, kiện hàng hoá trước khi chấp nhận” (khoản 3 Điều 29 Luật Bưu chính) và “Từ chối cung ứng dịch vụ bưu chính nếu phát hiện bưu gửi vi phạm quy định tại Điều 12 của Luật này...” (khoản 4 Điều 29 Luật Bưu chính).

Hiện nay, sản lượng gói, kiện hàng hóa tăng nhanh, đến tháng 11/2025: Gói, kiện hàng hóa chiếm khoảng 80% trong tổng số hơn 4 tỷ bưu gửi). Kẻ xấu lợi dụng dịch vụ bưu chính để gửi hàng lậu, hàng cấm qua đường bưu chính.

Trong các năm trở lại đây, Bộ KHCHN tiến hành giám sát, kiểm tra, thanh tra theo kế hoạch hoặc đột xuất các DNBC có sản lượng lớn, có yếu tố công nghệ/ có vốn nước ngoài/vận chuyển riêng cho sàn thương mại điện tử: VNPost, Viettel Post, Grab Việt Nam, SPX Express, Tikinow Smart Logistics, Be Group, Go Send, Lalamove, J&T Express, Giao hàng nhanh, Ahamove về việc chấp hành các quy định về giá cước, khuyến mại...

Bên cạnh đó, Bộ KHCHN đã ban hành các Chỉ thị số 95/CT-BTTTT ngày 25/11/2016 về việc tăng cường công tác đảm bảo an toàn, an ninh trong cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính, Chỉ thị số 28/CT-BTTTT ngày 08/5/2020 về tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh phục vụ Đại hội Đảng bộ các cấp và nâng cao hiệu quả phòng, chống việc chấp nhận, vận chuyển và phát hàng lậu, hàng cấm qua đường bưu chính để đảm bảo và tăng cường công tác an toàn, an ninh trong cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính, Chỉ thị số 02/CT-BKHCN ngày 10/9/2025 về việc tăng cường công tác bảo đảm an toàn, an ninh bưu chính phục vụ Đại hội Đảng bộ các cấp và nâng cao hiệu quả phòng, chống vận chuyển hàng lậu, hàng cấm qua đường bưu chính.

2.7. Công tác quản lý chất lượng, giá cước dịch vụ bưu chính (dịch vụ công ích và ngoài công ích)

a. Về quản lý chất lượng dịch vụ bưu chính

Theo quy định tại Luật Bưu chính thì chất lượng dịch vụ bưu chính gồm chất lượng dịch vụ bưu chính công ích và chất lượng dịch vụ bưu chính ngoài công ích.

Chất lượng dịch vụ bưu chính công ích được quản lý trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dịch vụ bưu chính công ích do cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bưu chính ban hành”- Khoản 1 Điều 27, Luật Bưu chính.

Hiện nay, để triển khai công tác quản lý chất lượng dịch vụ bưu chính, Bộ KHCN đã ban hành các văn bản Thông tư 14/2018/TT-BTTTT ngày 15/10/2018 quy định về quản lý chất lượng dịch vụ bưu chính; Thông tư số 17/2015/TT-BTTTT ngày 30/6/2015 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí; Thông tư số 28/2015/TT-BTTTT ngày 02/10/2015 quy định danh mục vùng có điều kiện địa lý đặc biệt áp dụng tần suất thu gom và phát đặc thù trong cung ứng dịch vụ bưu chính công ích; Quyết định số 509/QĐ-BTTTT 22/3/2022 ban hành Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ bưu chính không thuộc dịch vụ bưu chính công ích.

(2) Đối với dịch vụ bưu chính ngoài công ích

Khác với nhóm dịch vụ công ích, chất lượng dịch vụ ngoài CI không quản lý theo QCVN mà được quản lý theo hướng: ích, gồm 3 tiêu chí về thời gian toàn

- Quyết định 509/QĐ-BTTTT ngày 22/3/2022 ban hành Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ bưu chính không thuộc công ích (làm cơ sở khảo sát, xếp hạng DN).

* Công tác kiểm tra chất lượng dịch vụ CI được Bộ KHCN phối hợp với Sở KHCN, UBND xã và cộng tác viên thực hiện. Các chỉ tiêu như tần suất thu gom

DNBC tự công bố. Về cơ bản các DNBC áp dụng đúng mức giá cước đã công bố chỉ có một số trường hợp chưa thực hiện đúng đã bị Bộ KHCN nhắc nhở và xử phạt theo quy định pháp luật.

Bên cạnh đó, để đảm bảo các DNBC cạnh tranh lành mạnh về giá cước, năm 2024-2025, Bộ KHCN đã phối hợp tích cực với Bộ Công Thương (Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia) tiến hành kiểm tra việc tuân thủ pháp luật của một số DNBC hàng đầu. Qua kiểm tra, hiện tại chưa kết luận được vi phạm về giá cước đối với các DNBC.

2.8. Công tác quản lý về tem bưu chính

Triển khai thực hiện các quy định của Luật Bưu chính năm 2010 và Nghị định 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật bưu chính, Bộ TT&TT đã ban hành các Thông tư hướng dẫn về tem bưu chính, đã đưa công tác quản lý tem bưu chính vào nền nếp, tạo sự chủ động trong việc xây dựng Chương trình đề tài tem bưu chính hàng năm, thiết kế mẫu tem, in tem, cung ứng và lưu trữ tem; Tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đề xuất đề tài tem phong phú thuộc nhiều lĩnh vực, cơ bản đáp ứng yêu cầu về công tác tuyên truyền về các sự kiện lớn, tôn vinh các danh nhân Việt Nam và thế giới; Đa dạng hóa thể loại và hình thức tem bưu chính đáp ứng nhu cầu của người sử dụng tem, người chơi tem và người sưu tập tem; Tạo thuận lợi cho người sưu tập tem trong giao lưu, trao đổi, mua bán với nước ngoài cũng như chuẩn hóa công tác hủy tem bưu chính hết thời

hạn cung ứng giúp hạn chế tối đa tem in thừa, tác động cân cân cung - cầu tem chơi, từ đó, đẩy mạnh nhu cầu mua tem, sưu tập tem.

Công tác quản lý tem bưu chính đã được thực hiện khoa học và đạt hiệu quả tốt, từ việc xây dựng chương trình đề tài tem bưu chính, thể hiện mẫu thiết kế, trình duyệt Hội đồng tư vấn quốc gia về tem bưu chính, quyết định in, quyết định phát hành và hủy tem hết thời hạn cung ứng.

2.9. Việc thực hiện các quy định bồi thường, khiếu nại trong bưu chính

Hiện nay, việc quy định về bồi thường trong Luật Bưu chính và Nghị định 47/2011/NĐ-CP đã đảm bảo sự cân đối hài hòa giữa lợi ích của khách hàng và DN, tránh những rủi ro thiệt hại không mong muốn cho cả khách hàng và DN. Bên cạnh đó, quy định về bồi thường phù hợp với giá cước và chất lượng dịch vụ cũng như phù hợp với các quy định của UPU và mức bồi thường trong các luật có quy định về bồi thường đối với vận chuyển hàng hóa.

DNBC làm mất, hư hỏng toàn bộ hàng của khách hàng phải hoàn cước cho khách hàng (DNBC phải chịu trách nhiệm về thiệt hại gây ra cho khách hàng do sai sót của chính bộ máy DN mình và sai sót của đơn vị mà DNBC sử dụng dịch vụ của họ (phù hợp với khoản 1- Điều 18 Nghị định 87/2009/NĐ-CP).

Mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại được quy định trong Luật Bưu chính và Nghị định số 47/2011/NĐ-CP tương đương với mức bồi thường bình quân trong quy định về mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại của UPU (9.03SDR/kg) và thấp hơn mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại tối đa trong vận tải hàng không. Do vậy, mức bồi thường thiệt hại này vẫn còn phù hợp. Mức bồi thường này hiện nay được hầu hết các DNBC áp dụng, đồng thời không vượt quá mức tối đa trong trường hợp vận chuyển chậm trong quy định tại các luật vận tải hàng hoá, đồng thời nâng cao trách nhiệm của các DNBC trong việc đảm bảo chỉ tiêu thời gian toàn trình.

Các quy định về bồi thường hiện nay không chỉ bảo vệ được quyền lợi của người sử dụng mà còn hài hoà với lợi ích của DN, đồng thời tạo động lực cần thiết để DN cải thiện chất lượng dịch vụ, nâng cao sức cạnh tranh trong xu thế hội nhập quốc tế. Theo phản ánh của các DNBC tại các buổi trao đổi, tập huấn số lượng khiếu nại không nhiều, việc giải quyết tranh chấp chủ yếu được thực hiện bằng hình thức thương lượng, hòa giải giữa các bên. Và đến nay các quy định này chưa phát sinh bất cập, khó khăn, vướng mắc đối với các đối tượng áp dụng.

2.10. Thực hiện các cam kết quốc tế và hợp tác quốc tế

Luật Bưu chính được ban hành trên tinh thần mở cửa thị trường bưu chính, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia đầu tư và kinh doanh dịch vụ bưu chính tại Việt Nam. Chính sách này thể hiện sự nỗ lực và mong muốn của Việt Nam trong việc hội nhập với thế giới mà Việt Nam đã cam kết khi gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) vào ngày 11/01/2007.

Luật Bưu chính với khung pháp lý cơ bản hoàn thiện cùng với cam kết tại WTO là tiền đề để Việt Nam liên tiếp tham gia đàm phán mở cửa thị trường bưu chính tại các Hiệp định thương mại tự do như: Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA), ... Như vậy tính tới thời điểm hiện tại, các tổ chức của các nền kinh tế lớn trên thế giới đã có thể dễ dàng tiếp cận, gia nhập thị trường bưu chính tại Việt Nam.

Bên cạnh việc tham gia đàm phán, ký kết các Hiệp định Thương mại tự do, Việt Nam cũng rất tích cực trong việc đóng góp với các văn kiện của UPU,....Sau 15 năm tích cực hoạt động, Việt Nam đã đạt được một số thành tựu nhất định như: Trong 02 kỳ Đại hội liên tiếp giai đoạn 2013 - 2016, 2017 - 2021, Việt Nam được bầu tham gia Hội đồng Điều hành Bưu chính (CA) thuộc Liên minh Bưu chính Thế giới UPU; Tới kỳ Đại hội 2022 - 2025, Việt Nam được bầu là Đồng chủ tịch Ủy ban 4 Hội đồng Khai thác Bưu chính (POC) thuộc Liên minh Bưu chính Thế giới UPU. Và trong năm 2025, tại khu vực châu Á Thái Bình Dương, Việt Nam được tin nhiệm bầu làm chủ tịch đầu tiên nhóm chuyên gia về Thể chế bưu chính với vai trò đại diện tiếng nói khu vực liên quan tới vấn đề thể chế bưu chính và hỗ trợ các nước thành viên cải cách thể chế bưu chính trong thời gian tới.

II. TÁC ĐỘNG CỦA LUẬT BƯU CHÍNH ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Luật Bưu chính 2010 có ý nghĩa rất quan trọng đối với tiến trình phát triển, hội nhập của nền kinh tế nói chung và ngành bưu chính nói riêng. Đây là sự kiện đánh dấu bước phát triển mới của pháp luật về bưu chính ở nước ta, đặc biệt là trước xu thế toàn cầu hóa.

Ngay sau khi được ban hành, Luật Bưu chính đã tác động trực tiếp, tích cực đến sự phát triển nhanh, bền vững dịch vụ bưu chính; đáp ứng ngày càng tốt hơn các nhu cầu của phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế; thúc đẩy cạnh tranh, từng bước hoàn thiện thị trường bưu chính Việt Nam phát triển lành mạnh, bình đẳng và hội nhập quốc tế; mang lại ngày càng nhiều lợi ích hợp pháp hơn cho người dân và các DN tham gia hoạt động bưu chính.

Có thể nói, sau 15 năm ra đời, Luật Bưu chính đã góp phần thúc đẩy sự tham gia của các thành phần kinh tế trong kinh doanh dịch vụ bưu chính; Bảo đảm môi trường kinh doanh dịch vụ bưu chính cạnh tranh công bằng, minh bạch, công khai; Tăng cường hội nhập, hợp tác quốc tế và thực hiện cam kết quốc tế trong lĩnh vực bưu chính...

Chính sách về gia nhập thị trường, trong đó đặc biệt là các quy định minh bạch về cấp GPBC/XNTB đã tạo ra bước đột phá cho sự phát triển của lĩnh vực bưu chính. Các quy trình, thủ tục hành chính về GPBC/XNTB và thông tin liên quan được công khai dưới nhiều hình thức để người dân và DN thuận tiện trong thực hiện và giám

sát (đăng tải công khai trên cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính, trên website của Bộ KHCN, triển khai thủ tục hành chính công toàn trình).

Trong công tác quản lý giá cước dịch vụ bưu chính, Nhà nước ban hành khung giá cước dịch vụ bưu chính công ích. Các DNBC ngoài công ích tự quy định giá cước dịch vụ mà DN cung ứng, giúp cho DNBC chủ động trong hoạt động kinh doanh của mình, nhà nước không can thiệp sâu vào các hoạt động nội bộ DN nhưng vẫn giám sát đảm bảo việc cạnh tranh lành mạnh. Việc chuyển đổi dần từ tiền kiểm sang hậu kiểm trong công tác QLNN về bưu chính đã giúp DN được chủ động, kịp thời nắm bắt thời cơ trong hoạt động kinh doanh, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Bên cạnh đó, Luật Bưu chính còn góp phần nâng cao hiệu quả quản lý chất lượng dịch vụ bưu chính, bảo đảm phổ cập dịch vụ bưu chính công ích ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và thực hiện các nhiệm vụ công ích khác do nhà nước giao. Việc thực hiện các chính sách về cung cấp dịch vụ bưu chính công ích đã tạo điều kiện cho người dân, đặc biệt là người dân sống ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ bưu chính, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương cũng như nâng cao giá trị văn hoá, tinh thần, tư tưởng, đạo đức, lối sống của người dân.

Luật Bưu chính cũng đã tạo cơ chế để VNPost phối hợp với các Bộ, ngành, đơn vị liên quan thực hiện chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả thủ tục hành chính, lý lịch tư pháp qua hệ thống Bưu điện tỉnh, thành phố...

Sau 15 năm áp dụng, Luật Bưu chính đã góp phần thúc đẩy tiến trình phát triển, hội nhập của nền kinh tế đồng thời giữ vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN về bưu chính ở nước ta. Qua thực tiễn thi hành, hệ thống luật pháp về bưu chính đã phát huy vai trò to lớn trong việc phát triển thị trường viễn thông cạnh tranh lành mạnh, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và đạt được các mục tiêu đề ra khi xây dựng Luật: (i) nhất thể hoá và hoàn thiện pháp luật về bưu chính theo hướng đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của các quy định trong lĩnh vực này, khắc phục tình trạng thiếu nhất quán trong hệ thống pháp luật về dịch vụ bưu chính và dịch vụ chuyển phát; (ii) hoàn thiện cơ chế pháp lý mới, đồng bộ và hiệu quả cho hoạt động cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính; Nhà nước thực hiện tốt hơn trách nhiệm của mình trước xã hội trong việc bảo đảm duy trì việc cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phục vụ công tác lãnh đạo của Đảng, điều hành của Nhà nước và sự ổn định và phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội.

C. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Qua 15 năm triển khai thi hành, Luật Bưu chính năm 2010 đã góp phần quan trọng trong việc hình thành và phát triển thị trường bưu chính cạnh tranh, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia cung ứng dịch vụ bưu chính, thúc đẩy phát triển hạ tầng mạng bưu chính và nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ của người dân

trên phạm vi toàn quốc. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bưu chính cơ bản được ban hành tương đối đầy đủ, tạo hành lang pháp lý cho hoạt động quản lý nhà nước và hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp bưu chính.

Tuy nhiên, trong bối cảnh thương mại điện tử, kinh tế số, chuyển đổi số phát triển nhanh chóng, cấu trúc thị trường bưu chính đã có sự thay đổi căn bản cả về quy mô, phương thức cung ứng dịch vụ, mô hình kinh doanh và vai trò của lĩnh vực bưu chính đối với nền kinh tế. Nhiều quy định của Luật Bưu chính năm 2010 được xây dựng trong bối cảnh thị trường truyền thống hiện nay không còn phù hợp hoặc chưa theo kịp yêu cầu phát triển mới, dẫn đến phát sinh khoảng trống pháp lý, khó khăn trong công tác quản lý nhà nước và chưa tạo đầy đủ cơ sở pháp lý để phát triển bưu chính trở thành hạ tầng thiết yếu của nền kinh tế số.

1. Về phạm vi hoạt động của lĩnh vực bưu chính

Luật Bưu chính năm 2010 được ban hành trong bối cảnh hoạt động bưu chính chủ yếu tập trung vào các dịch vụ truyền thống như chuyển phát thư, phát hành báo chí và chuyển phát các gói, kiện nhỏ. Tại thời điểm đó, thương mại điện tử và kinh tế số chưa phát triển mạnh; hoạt động mua bán, giao dịch trên môi trường số chưa phổ biến; vai trò của lĩnh vực bưu chính trong chuỗi cung ứng hàng hóa còn tương đối hạn chế. Vì vậy, phạm vi điều chỉnh của Luật chủ yếu được thiết kế theo mô hình dịch vụ chuyển phát truyền thống, tập trung vào các công đoạn cơ bản gồm chấp nhận, chia chọn, vận chuyển và phát bưu gửi.

Tuy nhiên, sau 15 năm triển khai thi hành, cùng với sự phát triển nhanh chóng của thương mại điện tử, kinh tế số và công nghệ số, cấu trúc thị trường bưu chính đã có sự thay đổi căn bản. Dịch vụ thư truyền thống suy giảm nhanh chóng cả về sản lượng và tỷ trọng trong cơ cấu thị trường, trong khi dịch vụ gói, kiện hàng hóa phục vụ thương mại điện tử trở thành động lực tăng trưởng chủ yếu của lĩnh vực bưu chính. Bưu chính ngày càng gắn chặt với hoạt động của chuỗi cung ứng hàng hóa và trở thành khâu kết nối giữa giao dịch trên môi trường số với quá trình lưu thông hàng hóa trong thực tiễn.

Trên thực tế, hoạt động của doanh nghiệp bưu chính hiện nay không chỉ dừng ở các công đoạn truyền thống như chấp nhận, chia chọn, vận chuyển và phát bưu gửi mà đã mở rộng sang nhiều công đoạn liên quan trực tiếp đến bưu gửi như lưu kho, xử lý đơn hàng, đóng gói, hoàn trả bưu gửi và phát hàng thu tiền. Các hoạt động này được tổ chức, vận hành trên mạng bưu chính và gắn trực tiếp với từng bưu gửi cụ thể trong toàn bộ quá trình cung ứng dịch vụ.

Tuy nhiên, các hoạt động mới phát sinh nêu trên chưa được quy định đầy đủ trong Luật Bưu chính năm 2010, dẫn đến khoảng trống pháp lý trong quản lý nhà nước. Quy định hiện hành chưa xác định rõ phạm vi hoạt động của lĩnh vực bưu chính trong mối quan hệ với vận tải và logistics; chưa phân định rõ đâu là hoạt động bưu chính, đâu là hoạt động logistics hoặc vận tải hàng hóa trong điều kiện các mô

hình kinh doanh ngày càng có sự giao thoa. Điều này dẫn đến khó khăn trong việc xác định cơ chế quản lý phù hợp đối với các hoạt động mới phát sinh trong thực tiễn.

Bên cạnh đó, pháp luật hiện hành chưa có quy định quản lý đồng bộ đối với toàn bộ chuỗi xử lý bưu gửi, từ khâu tiếp nhận đến các công đoạn lưu kho, xử lý đơn hàng, đóng gói, hoàn trả và phát hàng thu tiền. Việc thiếu quy định thống nhất đối với các công đoạn liên quan trực tiếp đến bưu gửi dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý chất lượng dịch vụ, xác định trách nhiệm của doanh nghiệp bưu chính khi xảy ra mất mát, hư hỏng bưu gửi hoặc tranh chấp với người sử dụng dịch vụ; đồng thời ảnh hưởng đến công tác bảo đảm an toàn, an ninh bưu chính trong toàn bộ quá trình cung ứng dịch vụ.

Ngoài ra, việc chưa xác định đầy đủ “không gian hoạt động” của lĩnh vực bưu chính cũng làm hạn chế khả năng khai thác hiệu quả hạ tầng mạng bưu chính đã được đầu tư rộng khắp trên toàn quốc. Trong khi thực tế cho thấy mạng bưu chính hiện nay không chỉ phục vụ hoạt động chuyển phát truyền thống mà còn có khả năng tham gia sâu vào chuỗi cung ứng của thương mại điện tử, hỗ trợ lưu thông hàng hóa, kết nối sản xuất với tiêu dùng và thúc đẩy phát triển kinh tế số, thì khuôn khổ pháp lý hiện hành vẫn chủ yếu được thiết kế theo mô hình dịch vụ chuyển phát thư truyền thống. Điều này chưa phản ánh đúng vai trò mới của bưu chính với tư cách là hạ tầng bảo đảm dòng chảy vật chất của nền kinh tế số.

Mặt khác, việc chưa mở rộng và định vị lại phạm vi hoạt động của lĩnh vực bưu chính cũng ảnh hưởng đến khả năng phát triển các mô hình cung ứng dịch vụ mới, hạn chế việc ứng dụng công nghệ số, khai thác dữ liệu bưu chính và phát triển các dịch vụ gia tăng trên mạng bưu chính. Trong bối cảnh thương mại điện tử tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao, nhu cầu của người dân và doanh nghiệp đối với dịch vụ chuyển phát hàng hóa ngày càng đa dạng, nhanh chóng và tích hợp nhiều công đoạn, việc duy trì khuôn khổ pháp lý theo mô hình truyền thống khô

1. Về phạm vi hoạt động của lĩnh vực bưu chính

Luật Bưu chính năm 2010 được ban hành trong bối cảnh hoạt động bưu chính chủ yếu tập trung vào các dịch vụ truyền thống như chuyển phát thư, phát hành báo chí và chuyển phát các gói, kiện nhỏ. Tại thời điểm đó, thương mại điện tử, kinh tế số và các mô hình kinh doanh dựa trên nền tảng số chưa phát triển mạnh; hoạt động giao dịch hàng hóa trên môi trường điện tử chưa phổ biến; vai trò của lĩnh vực bưu chính trong chuỗi cung ứng hàng hóa còn tương đối hạn chế. Vì vậy, phạm vi điều chỉnh của Luật chủ yếu được xây dựng theo mô hình dịch vụ chuyển phát truyền thống, tập trung vào các công đoạn cơ bản như chấp nhận, chia chọn, vận chuyển và phát bưu gửi.

Tuy nhiên, sau 15 năm triển khai thi hành, cùng với sự phát triển nhanh chóng của thương mại điện tử, kinh tế số và công nghệ số, cấu trúc thị trường bưu chính đã có sự thay đổi căn bản cả về quy mô, cơ cấu dịch vụ và phương thức tổ chức hoạt

động. Dịch vụ thư truyền thống suy giảm nhanh chóng, trong khi dịch vụ gói, kiện hàng hóa phục vụ thương mại điện tử trở thành động lực tăng trưởng chủ yếu của ngành bưu chính. Hoạt động bưu chính ngày càng gắn chặt với chuỗi cung ứng hàng hóa, trở thành cầu nối giữa giao dịch được thực hiện trên môi trường số với quá trình lưu thông, phân phối hàng hóa trong thực tiễn.

Trên thực tế, doanh nghiệp bưu chính hiện nay không chỉ thực hiện các công đoạn truyền thống như chấp nhận, chia chọn, vận chuyển và phát bưu gửi mà còn tham gia sâu vào các công đoạn liên quan trực tiếp đến bưu gửi như lưu kho, xử lý đơn hàng, đóng gói, hoàn trả bưu gửi và phát hàng thu tiền. Các hoạt động này được tổ chức trên mạng bưu chính, gắn trực tiếp với từng bưu gửi cụ thể, được quản lý xuyên suốt bằng mã định danh, dữ liệu bưu gửi và hệ thống công nghệ số trong toàn bộ quá trình cung ứng dịch vụ.

Tuy nhiên, các hoạt động mới phát sinh nêu trên chưa được quy định đầy đủ trong Luật Bưu chính năm 2010, dẫn đến khoảng trống pháp lý trong công tác quản lý nhà nước. Quy định hiện hành chưa xác định rõ phạm vi hoạt động của lĩnh vực bưu chính trong mối quan hệ với vận tải và logistics; chưa làm rõ các tiêu chí để phân biệt hoạt động bưu chính với hoạt động vận tải hàng hóa hoặc logistics trong điều kiện các mô hình kinh doanh ngày càng có sự giao thoa và tích hợp nhiều công đoạn. Điều này dẫn đến khó khăn trong việc xác định cơ chế quản lý phù hợp, xác định trách nhiệm của doanh nghiệp và áp dụng thống nhất pháp luật trong thực tiễn.

Bên cạnh đó, pháp luật hiện hành chưa có quy định quản lý đồng bộ đối với toàn bộ chuỗi xử lý bưu gửi, từ khâu tiếp nhận đến các công đoạn lưu kho, xử lý đơn hàng, đóng gói, hoàn trả và phát hàng thu tiền. Việc thiếu cơ sở pháp lý thống nhất đối với các công đoạn liên quan trực tiếp đến bưu gửi dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý chất lượng dịch vụ, xác định trách nhiệm của doanh nghiệp khi xảy ra mất mát, hư hỏng bưu gửi hoặc tranh chấp với người sử dụng dịch vụ; đồng thời ảnh hưởng đến hiệu quả công tác bảo đảm an toàn, an ninh bưu chính trong toàn bộ quá trình cung ứng dịch vụ.

Ngoài ra, việc chưa xác định đầy đủ “không gian hoạt động” của lĩnh vực bưu chính cũng làm hạn chế khả năng khai thác hiệu quả hạ tầng mạng bưu chính đã được đầu tư rộng khắp trên toàn quốc. Trong khi thực tế cho thấy mạng bưu chính hiện nay không chỉ phục vụ hoạt động chuyển phát truyền thống mà còn có khả năng tham gia sâu vào chuỗi cung ứng của thương mại điện tử, hỗ trợ lưu thông hàng hóa, kết nối sản xuất với tiêu dùng, thúc đẩy phát triển kinh tế số và kinh tế địa phương, thì khuôn khổ pháp lý hiện hành vẫn chủ yếu được thiết kế theo mô hình dịch vụ chuyển phát thư truyền thống. Điều này chưa phản ánh đầy đủ vai trò mới của bưu chính với tư cách là hạ tầng bảo đảm dòng chảy vật chất của nền kinh tế số.

Mặt khác, việc chưa mở rộng và định vị lại phạm vi hoạt động của lĩnh vực bưu chính cũng ảnh hưởng đến khả năng phát triển các mô hình cung ứng dịch vụ

mới, hạn chế việc ứng dụng công nghệ số, khai thác dữ liệu bưu chính và phát triển các dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng bưu chính. Trong bối cảnh thương mại điện tử tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao, nhu cầu của người dân và doanh nghiệp đối với dịch vụ chuyển phát hàng hóa ngày càng đa dạng, nhanh chóng và tích hợp nhiều công đoạn, việc duy trì khuôn khổ pháp lý theo mô hình truyền thống không còn phù hợp với thực tiễn phát triển của thị trường.

Bên cạnh đó, việc chưa ghi nhận đầy đủ các công đoạn liên quan trực tiếp đến bưu gửi là một phần của hoạt động bưu chính cũng dẫn đến sự thiếu thống nhất về nghĩa vụ, trách nhiệm và cơ chế giám sát giữa các doanh nghiệp có hoạt động tương đồng. Trong khi doanh nghiệp vận tải hàng hóa chịu sự điều chỉnh theo cơ chế quản lý chuyên ngành vận tải, doanh nghiệp bưu chính lại hoạt động theo cơ chế quản lý khác, mặc dù trên thực tế đều tham gia trực tiếp vào quá trình vận chuyển và phân phối hàng hóa đến người sử dụng cuối cùng. Điều này đặt ra yêu cầu cần hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để vừa bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, vừa phù hợp với bản chất hoạt động của từng loại hình dịch vụ.

Từ những tồn tại, hạn chế nêu trên cho thấy cần thiết phải điều chỉnh, mở rộng phạm vi dịch vụ bưu chính theo hướng bao quát đầy đủ các công đoạn liên quan trực tiếp đến bưu gửi được tổ chức trên mạng bưu chính; làm rõ ranh giới pháp lý giữa bưu chính với vận tải và logistics; đồng thời định vị lại vai trò của bưu chính từ dịch vụ chuyển phát truyền thống trở thành hạ tầng thiết yếu của quốc gia và của nền kinh tế số, đặc biệt là của thương mại điện tử. Việc hoàn thiện chính sách theo hướng này sẽ tạo cơ sở pháp lý để quản lý đồng bộ toàn bộ chuỗi cung ứng dịch vụ bưu chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm an toàn, an ninh bưu chính, bảo vệ quyền lợi người sử dụng dịch vụ, đồng thời khai thác hiệu quả hạ tầng mạng bưu chính và thúc đẩy phát triển bền vững lĩnh vực bưu chính trong giai đoạn tới.

2. Về cung ứng dịch vụ bưu chính công ích và cơ chế hỗ trợ

Khoản 1 Điều 4 Luật Bưu chính quy định: “Dịch vụ bưu chính công ích là dịch vụ bưu chính được cung ứng theo yêu cầu của Nhà nước, gồm dịch vụ bưu chính phổ cập, dịch vụ bưu chính phục vụ quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ đặc thù khác”. Tuy nhiên, trên thực tế, hệ thống pháp luật hiện hành mới chủ yếu quy định cụ thể đối với dịch vụ bưu chính phổ cập; các loại hình dịch vụ bưu chính công ích khác như dịch vụ bưu chính phục vụ quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ đặc thù khác chưa được quy định, hướng dẫn đầy đủ và thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Đối với dịch vụ bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, thời gian qua Chính phủ đã ban hành Quyết định số 32/2025/QĐ-TTg ngày 08/9/2025 về Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, trong đó bước đầu xác định dịch vụ bưu chính KT1 là một loại hình dịch vụ bưu chính công ích. Tuy nhiên, nội dung này hiện chưa được quy định trong Luật Bưu chính, dẫn đến thiếu cơ sở pháp lý

thống nhất và ổn định cho việc tổ chức cung ứng, quản lý và bảo đảm nguồn lực thực hiện trong dài hạn.

Bên cạnh đó, nội hàm của dịch vụ bưu chính phổ cập hiện nay cũng không còn phù hợp với nhu cầu thực tiễn của xã hội. Theo định nghĩa của Liên minh Bưu chính Thế giới (UPU), dịch vụ bưu chính phổ cập là việc cung cấp thường xuyên một tập hợp các dịch vụ bưu chính nhằm bảo đảm mọi người sử dụng được tiếp cận dịch vụ trên toàn lãnh thổ với mức giá hợp lý. Tuy nhiên, tại Việt Nam, phạm vi dịch vụ bưu chính phổ cập hiện hành chủ yếu vẫn giới hạn ở dịch vụ thư cơ bản có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến 02 ki-lô-gam.

Trong khi đó, từ năm 2010 đến nay, đặc biệt trong giai đoạn 2020 - 2025 khi thương mại điện tử và chuyển đổi số phát triển mạnh mẽ, nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính của người dân đã có sự thay đổi căn bản. Nếu trước đây nhu cầu chủ yếu là truyền tải thông tin dưới dạng thư từ thì hiện nay nhu cầu chính đã chuyển sang gửi, nhận gói, kiện hàng hóa phục vụ giao dịch thương mại điện tử và tiêu dùng trên môi trường số. Điều này dẫn đến thực tế sản lượng dịch vụ thư phổ cập giảm rất nhanh, trung bình khoảng 30% mỗi năm, trong khi dịch vụ chuyển phát gói, kiện hàng hóa tăng trưởng mạnh và trở thành nhu cầu thiết yếu của người dân và doanh nghiệp.

Việc tiếp tục duy trì phạm vi dịch vụ phổ cập chỉ bao gồm dịch vụ thư như hiện nay không còn phản ánh đúng nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính của xã hội, đồng thời làm giảm vai trò và ý nghĩa của chính sách phổ cập trong điều kiện phát triển mới. Thực tiễn cho thấy tại nhiều khu vực, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới và hải đảo, người dân vẫn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận dịch vụ chuyển phát gói, kiện hàng hóa với mức giá hợp lý, chất lượng ổn định và phạm vi phục vụ đầy đủ. Nếu dịch vụ bưu chính phổ cập không bao gồm gói, kiện hàng hóa sẽ dẫn đến khoảng trống trong bảo đảm quyền tiếp cận dịch vụ bưu chính của người dân, làm gia tăng chênh lệch giữa các khu vực trong tiếp cận thương mại điện tử và nền kinh tế số.

Ngoài ra, việc mở rộng phạm vi dịch vụ bưu chính phổ cập sang gói, kiện hàng hóa không chỉ nhằm bảo đảm quyền tiếp cận dịch vụ bưu chính của người dân mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt tại khu vực nông thôn, miền núi và vùng khó khăn. Thông qua mạng bưu chính phổ cập, người dân, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã và doanh nghiệp nhỏ có thể tham gia hoạt động thương mại điện tử, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, nâng cao giá trị hàng hóa và cải thiện thu nhập. Đây cũng là giải pháp quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế số bao trùm và thực hiện mục tiêu “không để ai bị bỏ lại phía sau” trong quá trình chuyển đổi số quốc gia.

Mặt khác, việc mở rộng phạm vi dịch vụ phổ cập còn giúp khai thác hiệu quả hơn hạ tầng mạng bưu chính công cộng đã được đầu tư rộng khắp trên toàn quốc.

Hiện nay, mạng bưu chính công cộng có khả năng tiếp cận đến tận cấp xã, kể cả các địa bàn khó khăn. Tuy nhiên, nếu chỉ duy trì mô hình dịch vụ phổ cập gắn với thư truyền thống thì chưa phát huy hết năng lực và hiệu quả khai thác của mạng lưới này. Việc điều chỉnh, mở rộng phạm vi dịch vụ phổ cập sang gói, kiện hàng hóa sẽ tạo điều kiện để mạng bưu chính công cộng tiếp tục phát huy vai trò là hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và thương mại điện tử trong giai đoạn mới.

Bên cạnh đó, để bảo đảm tính bền vững của việc cung ứng dịch vụ bưu chính phổ cập, cần thiết phải rà soát, hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước và cơ chế hỗ trợ đối với dịch vụ bưu chính công ích. Trong giai đoạn 2020 - 2025, mặc dù sản lượng bưu gửi toàn thị trường duy trì tốc độ tăng trưởng trên 25%/năm, song phần lớn doanh nghiệp bưu chính tư nhân tập trung cung ứng dịch vụ tại khu vực thuận lợi về mặt địa lý, nơi có mật độ đơn hàng lớn và biên lợi nhuận cao, chủ yếu là dịch vụ chuyên phát gói, kiện hàng hóa thương mại điện tử. Trong khi đó, doanh nghiệp được giao cung ứng dịch vụ bưu chính phổ cập vẫn phải duy trì mạng lưới rộng khắp, bảo đảm phục vụ tại các khu vực khó khăn với chi phí lớn và hiệu quả kinh doanh thấp.

Tuy nhiên, cơ chế hỗ trợ, bù đắp chi phí cho việc cung ứng dịch vụ bưu chính phổ cập hiện nay chưa thực sự phù hợp với điều kiện phát triển của thị trường bưu chính trong bối cảnh mới. Điều này ảnh hưởng đến khả năng duy trì bền vững mạng bưu chính phổ cập và việc bảo đảm cung ứng dịch vụ trên phạm vi toàn quốc, đặc biệt tại khu vực vùng sâu, vùng xa, miền núi và hải đảo.

Ngoài ra, trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, cùng với việc sắp xếp tổ chức bộ máy và triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp, mạng bưu chính phổ cập cần tiếp tục phát huy vai trò là hạ tầng kết nối giữa cơ quan nhà nước với người dân trên phạm vi toàn quốc. Việc tận dụng mạng lưới điểm phục vụ bưu chính, nhân lực bưu chính và năng lực cung ứng dịch vụ của doanh nghiệp bưu chính công ích để hỗ trợ tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến toàn trình là yêu cầu thực tiễn có ý nghĩa quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, giảm chi phí xã hội và tăng khả năng tiếp cận dịch vụ công của người dân tại cơ sở.

Từ những tồn tại, hạn chế nêu trên cho thấy cần thiết phải điều chỉnh, mở rộng phạm vi dịch vụ bưu chính phổ cập theo hướng bao gồm cả thư và gói, kiện hàng hóa với khối lượng phù hợp; bổ sung quy định về dịch vụ bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước; đồng thời hoàn thiện cơ chế quản lý và cơ chế hỗ trợ đối với dịch vụ bưu chính công ích nhằm bảo đảm tính bền vững của mạng bưu chính phổ cập, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ bưu chính của người dân và phát huy vai trò của

bưu chính trong phát triển kinh tế số, thương mại điện tử và cung ứng dịch vụ công trong giai đoạn tới.

3. Về phát triển bưu chính trở thành hạ tầng thiết yếu của quốc gia và của nền kinh tế số, quản lý hiệu quả dịch vụ bưu chính thương mại

Tại thời điểm ban hành Luật Bưu chính năm 2010, thị trường bưu chính Việt Nam vẫn mang đặc điểm của mô hình bưu chính truyền thống, trong đó dịch vụ thư có địa chỉ nhận chiếm tỷ trọng lớn trong tổng sản lượng bưu gửi. Số lượng doanh nghiệp bưu chính còn tương đối ít, khoảng 40 doanh nghiệp, trong đó Tổng công ty Bưu điện Việt Nam chiếm hơn 40% thị phần toàn thị trường. Hoạt động bưu chính thời điểm này chủ yếu gắn với dịch vụ thư và các gói, kiện nhỏ; thương mại điện tử và kinh tế số chưa phát triển mạnh; quy mô thị trường chuyển phát hàng hóa còn hạn chế.

Trong bối cảnh đó, cơ chế quản lý doanh nghiệp bưu chính theo Luật Bưu chính năm 2010 được thiết kế chủ yếu dựa trên đặc điểm của dịch vụ thư truyền thống. Theo quy định của Luật, giấy phép bưu chính được áp dụng đối với dịch vụ thư có địa chỉ nhận, có khối lượng đơn chiếc đến 02 kg, trong khi đối với dịch vụ gói, kiện hàng hóa, doanh nghiệp chỉ cần thực hiện thủ tục thông báo hoạt động bưu chính và được cơ quan nhà nước cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính.

Tuy nhiên, trong 15 năm qua, đặc biệt trong giai đoạn 2020 - 2025, sự phát triển bùng nổ của thương mại điện tử đã làm thay đổi căn bản cơ cấu thị trường bưu chính. Hiện nay, sản lượng gói, kiện hàng hóa chiếm hơn 90% tổng sản lượng bưu gửi toàn thị trường, trong khi dịch vụ thư tiếp tục suy giảm mạnh. Hoạt động bưu chính ngày càng gắn chặt với hoạt động thương mại điện tử, logistics, phân phối hàng hóa và chuỗi cung ứng của nền kinh tế số. Bưu chính không còn đơn thuần là hoạt động chuyển phát thư truyền thống mà đã trở thành hạ tầng bảo đảm dòng chảy vật chất của nền kinh tế số.

Sự thay đổi mạnh mẽ của thị trường đặt ra yêu cầu cần đổi mới cách thức quản lý doanh nghiệp bưu chính và định vị lại vai trò của lĩnh vực bưu chính trong nền kinh tế. Tuy nhiên, khuôn khổ pháp lý hiện hành vẫn chủ yếu được xây dựng trên nền tảng cấu trúc thị trường truyền thống, chưa phản ánh đầy đủ mô hình hoạt động và phương thức tổ chức mới của doanh nghiệp bưu chính trong điều kiện kinh tế số.

Trên thực tế, các doanh nghiệp bưu chính hiện nay có thể được chia thành hai nhóm cơ bản. Nhóm thứ nhất là doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính, tức là doanh nghiệp trực tiếp thiết lập, quản lý hoặc kiểm soát một hoặc một số thành phần của mạng bưu chính để tổ chức cung ứng dịch vụ. Đây là nhóm doanh nghiệp

đầu tư hạ tầng vật lý, trung tâm chia chọn, kho bãi, phương tiện vận chuyển, hệ thống công nghệ và trực tiếp điều hành mạng lưới cung ứng dịch vụ trên phạm vi rộng.

Nhóm thứ hai là doanh nghiệp bưu chính không vận hành mạng bưu chính, tức là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính trên cơ sở sử dụng mạng bưu chính do doanh nghiệp khác vận hành. Các doanh nghiệp này chủ yếu tập trung vào khai thác nền tảng số, phát triển khách hàng, tổ chức đơn hàng và kết nối nhu cầu thị trường mà không trực tiếp đầu tư hoặc kiểm soát hạ tầng mạng bưu chính quy mô lớn.

Tuy nhiên, Luật Bưu chính năm 2010 hiện chưa có sự phân loại rõ ràng giữa hai nhóm doanh nghiệp nêu trên để áp dụng cơ chế quản lý phù hợp với tính chất hoạt động của từng loại hình doanh nghiệp. Điều này dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý giá cước, chất lượng dịch vụ, trách nhiệm bảo đảm an toàn, an ninh bưu chính cũng như việc xác định nghĩa vụ đầu tư, duy trì và phát triển hạ tầng mạng bưu chính.

Bên cạnh đó, pháp luật hiện hành cũng chưa hình thành đầy đủ cơ chế phát triển, khai thác và chia sẻ hiệu quả hạ tầng mạng bưu chính. Trong khi thực tế cho thấy hạ tầng mạng bưu chính đang ngày càng có vai trò quan trọng đối với thương mại điện tử, logistics và phát triển kinh tế số thì cơ chế chính sách hiện nay chưa tạo đủ động lực để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển mạng bưu chính quy mô lớn, hiện đại, đồng bộ và phủ rộng trên toàn quốc.

Ngoài ra, việc chưa định vị đầy đủ bưu chính là hạ tầng thiết yếu của quốc gia và của nền kinh tế số cũng làm hạn chế vai trò của lĩnh vực bưu chính trong việc hỗ trợ phát triển thương mại điện tử, kết nối vùng miền, thúc đẩy lưu thông hàng hóa và bảo đảm khả năng tiếp cận thị trường của người dân và doanh nghiệp, đặc biệt tại khu vực nông thôn, miền núi, biên giới và hải đảo.

Đối với công tác quản lý nhà nước, Luật Bưu chính năm 2010 hiện đang áp dụng đồng thời cơ chế tiền kiểm và hậu kiểm đối với hoạt động bưu chính. Theo đó, địa phương thực hiện cấp giấy phép bưu chính và xác nhận thông báo hoạt động bưu chính đối với phạm vi nội tỉnh; Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện cấp giấy phép và xác nhận hoạt động đối với phạm vi liên tỉnh và quốc tế.

Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, chủ trương của Đảng và Nhà nước là đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền và chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm nhằm tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, thuận lợi cho doanh nghiệp nhưng vẫn bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Kết luận số 18-KL/TW Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030 cũng đặt ra yêu cầu tiếp tục

đẩy mạnh phân cấp giải quyết thủ tục hành chính gắn với mục tiêu tăng trưởng kinh tế “hai con số”.

Trong khi đó, cơ chế quản lý hiện hành của Luật Bưu chính vẫn còn mang tính truyền thống, chưa theo kịp tốc độ phát triển của thị trường và yêu cầu cải cách quản lý nhà nước trong điều kiện kinh tế số. Một số quy định về cấp phép, xác nhận hoạt động bưu chính còn nặng về tiền kiểm; thủ tục hành chính còn phân tán; phương thức quản lý chưa thực sự phù hợp với mô hình kinh doanh trên nền tảng số và sự phát triển nhanh của doanh nghiệp bưu chính thương mại.

Từ những tồn tại, hạn chế nêu trên cho thấy cần thiết phải điều chỉnh, đổi mới cơ chế quản lý doanh nghiệp bưu chính theo hướng phù hợp với cấu trúc thị trường mới; phân loại doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng và doanh nghiệp không vận hành mạng để áp dụng cơ chế quản lý phù hợp; đồng thời hoàn thiện cơ chế phát triển, khai thác và chia sẻ hạ tầng mạng bưu chính nhằm định vị bưu chính trở thành hạ tầng thiết yếu của quốc gia và của nền kinh tế số.

Bên cạnh đó, cần đổi mới phương thức quản lý nhà nước theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính, chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp gia nhập thị trường, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển thương mại điện tử, đồng thời vẫn bảo đảm công tác quản lý nhà nước chặt chẽ, hiệu quả, an toàn và phù hợp với yêu cầu phát triển của thị trường bưu chính trong giai đoạn mới.

2. Điều chỉnh, mở rộng phạm vi và cơ chế quản lý dịch vụ bưu chính công ích

Luật Bưu chính năm 2010 được xây dựng trong bối cảnh nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính phổ cập chủ yếu gắn với việc gửi, nhận thư và thông tin dưới dạng vật lý. Vì vậy, phạm vi dịch vụ bưu chính phổ cập hiện hành chủ yếu tập trung vào dịch vụ thư cơ bản có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến 02 kg. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử, kinh tế số và chuyển đổi số quốc gia, nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính của xã hội đã có sự thay đổi căn bản. Nếu trước đây dịch vụ phổ cập chủ yếu phục vụ nhu cầu truyền tải thông tin thì hiện nay nhu cầu thiết yếu của người dân ngày càng chuyển sang gửi, nhận gói, kiện hàng hóa có khối lượng nhỏ phục vụ giao dịch thương mại điện tử và tiêu dùng trên môi trường số.

Trong bối cảnh đó, việc tiếp tục duy trì phạm vi dịch vụ bưu chính phổ cập chỉ bao gồm dịch vụ thư như hiện nay không còn phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời làm giảm vai trò và ý nghĩa của chính sách phổ cập dịch vụ bưu chính. Trên thực tế, sản lượng thư phổ cập liên tục suy giảm mạnh qua các năm, trong khi nhu cầu gửi, nhận gói, kiện hàng hóa tăng trưởng rất nhanh và trở thành nhu cầu phổ biến của người dân, doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể.

Thực tiễn cho thấy tại nhiều khu vực, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới và hải đảo, người dân vẫn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận dịch vụ chuyển phát gói, kiện hàng hóa. Chi phí chuyển phát tại các khu vực này còn cao, thời gian cung ứng dịch vụ chưa ổn định, chất lượng dịch vụ chưa đồng đều so với khu vực đô thị. Trong khi đó, thương mại điện tử đang dần trở thành phương thức giao dịch phổ biến, gắn trực tiếp với nhu cầu sản xuất, tiêu dùng và tiếp cận hàng hóa, dịch vụ thiết yếu của người dân. Nếu dịch vụ bưu chính phổ cập không bao gồm gói, kiện hàng hóa sẽ phát sinh khoảng trống trong bảo đảm quyền tiếp cận dịch vụ của người dân, đặc biệt tại các địa bàn khó khăn; làm gia tăng chênh lệch giữa khu vực thành thị và nông thôn, giữa vùng thuận lợi và vùng khó khăn trong tiếp cận thương mại điện tử và nền kinh tế số.

Bên cạnh đó, việc mở rộng phạm vi dịch vụ bưu chính phổ cập sang gói, kiện hàng hóa không chỉ nhằm bảo đảm quyền tiếp cận dịch vụ bưu chính của người dân mà còn có ý nghĩa quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt đối với khu vực nông thôn, miền núi và vùng sản xuất nhỏ. Thông qua mạng bưu chính phổ cập, người dân, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể có thể tiếp cận thị trường rộng lớn hơn, đưa sản phẩm lên các nền tảng thương mại điện tử, mở rộng đầu ra hàng hóa, nâng cao giá trị sản phẩm và cải thiện thu nhập. Đây cũng là giải pháp góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế số bao trùm, bảo đảm mọi người dân đều có cơ hội tham gia và hưởng lợi từ quá trình chuyển đổi số quốc gia.

Mặt khác, việc mở rộng dịch vụ bưu chính phổ cập còn giúp khai thác hiệu quả hơn hạ tầng mạng bưu chính công cộng đã được đầu tư rộng khắp trên toàn quốc. Hiện nay, mạng bưu chính công cộng có phạm vi phục vụ đến tận cấp xã, phủ rộng cả những khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Tuy nhiên, nếu chỉ duy trì mô hình dịch vụ phổ cập gắn với thư truyền thống thì chưa phát huy hết năng lực và hiệu quả khai thác của mạng lưới này. Việc mở rộng nội hàm dịch vụ phổ cập sang gói, kiện hàng hóa sẽ tạo cơ sở để khai thác hiệu quả hơn hạ tầng bưu chính hiện có, đồng thời bảo đảm mọi người dân được tiếp cận một mức dịch vụ tối thiểu không chỉ đối với thông tin mà còn đối với hàng hóa trong nền kinh tế số.

Đây cũng là xu hướng chung của nhiều quốc gia trên thế giới khi dịch vụ bưu chính phổ cập dần được mở rộng từ thư sang bưu kiện và các dịch vụ phục vụ thương mại điện tử nhằm phù hợp với điều kiện phát triển mới của xã hội và nhu cầu thực tế của người dân.

Ngoài ra, trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã đẩy mạnh chủ trương phát triển dịch vụ công trực tuyến toàn trình, giải quyết thủ tục hành chính phi địa giới nhằm tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi tiếp cận dịch vụ công. Trong bối cảnh đó, việc tận dụng hạ tầng mạng bưu chính công cộng, mạng lưới điểm phục vụ rộng khắp và lực lượng nhân sự bưu chính để hỗ trợ tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến

là giải pháp có ý nghĩa quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, giảm chi phí xã hội và tăng khả năng tiếp cận dịch vụ công của người dân tại cơ sở.

Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có cơ chế đầy đủ để phát huy vai trò của mạng bưu chính công cộng trong hỗ trợ cung ứng dịch vụ công, kết nối giữa cơ quan nhà nước với người dân trên phạm vi toàn quốc; đồng thời chưa quy định đầy đủ về dịch vụ bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước trong điều kiện chuyển đổi số và đổi mới mô hình tổ chức bộ máy hành chính hiện nay.

Bên cạnh đó, để bảo đảm tính bền vững của việc cung ứng dịch vụ bưu chính phổ cập trong điều kiện thị trường cạnh tranh, việc sửa đổi, điều chỉnh cơ chế quản lý nhà nước đối với dịch vụ bưu chính công ích là hết sức cần thiết. Trong khi các doanh nghiệp bưu chính tư nhân chủ yếu tập trung cung ứng dịch vụ tại khu vực thuận lợi, dịch vụ có biên lợi nhuận cao thì doanh nghiệp được giao cung ứng dịch vụ phổ cập vẫn phải duy trì mạng lưới rộng khắp, bảo đảm phục vụ tại các địa bàn khó khăn với chi phí lớn. Tuy nhiên, cơ chế hỗ trợ, bù đắp chi phí và cơ chế quản lý hiện hành chưa thực sự phù hợp với thực tiễn phát triển của thị trường bưu chính trong giai đoạn mới.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy cần thiết phải điều chỉnh, mở rộng phạm vi dịch vụ bưu chính phổ cập từ thư sang bao gồm cả bưu gửi, gói, kiện hàng hóa có khối lượng phù hợp; bổ sung quy định về dịch vụ bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước; đồng thời hoàn thiện cơ chế quản lý và cơ chế hỗ trợ đối với dịch vụ bưu chính công ích nhằm bảo đảm tính bền vững của mạng bưu chính phổ cập. Việc hoàn thiện chính sách theo hướng này sẽ góp phần bảo đảm quyền tiếp cận dịch vụ bưu chính của người dân, hỗ trợ phát triển thương mại điện tử và kinh tế số, nâng cao hiệu quả cung ứng dịch vụ công và phát huy vai trò của bưu chính như một hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tới.

3. Phát triển bưu chính trở thành hạ tầng thiết yếu của quốc gia và của nền kinh tế số

Tại thời điểm ban hành Luật Bưu chính năm 2010, thị trường bưu chính Việt Nam vẫn mang đặc điểm của mô hình bưu chính truyền thống, trong đó dịch vụ thư có địa chỉ nhận chiếm tỷ trọng lớn trong tổng sản lượng bưu gửi. Số lượng doanh nghiệp bưu chính còn tương đối ít, khoảng 40 doanh nghiệp, trong đó Tổng công ty Bưu điện Việt Nam chiếm hơn 40% thị phần toàn thị trường. Hoạt động bưu chính thời điểm này chủ yếu gắn với chuyển phát thư và các gói, kiện nhỏ; thương mại điện tử, kinh tế số và các nền tảng giao dịch trực tuyến chưa phát triển mạnh.

Trong bối cảnh đó, cơ chế quản lý hoạt động bưu chính theo Luật Bưu chính năm 2010 được xây dựng chủ yếu dựa trên đặc điểm của thị trường thư truyền thống. Theo quy định của Luật, giấy phép bưu chính được áp dụng đối với dịch vụ thư có địa chỉ nhận, có khối lượng đơn chiếc đến 02 kg. Đối với dịch vụ gói, kiện hàng hóa, doanh nghiệp chỉ cần thực hiện thủ tục thông báo hoạt động bưu chính và được cơ quan nhà nước cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính. Cách tiếp cận

này phù hợp với điều kiện phát triển của thị trường tại thời điểm ban hành Luật, khi hoạt động chuyển phát gói, kiện hàng hóa chưa phát triển mạnh và chưa giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế.

Tuy nhiên, trong 15 năm qua, đặc biệt trong giai đoạn 2020 - 2025, sự phát triển bùng nổ của thương mại điện tử đã làm thay đổi căn bản cơ cấu thị trường bưu chính. Hiện nay, sản lượng gói, kiện hàng hóa chiếm hơn 90% tổng sản lượng bưu gửi toàn thị trường, trong khi dịch vụ thư tiếp tục suy giảm nhanh chóng. Hoạt động bưu chính ngày càng gắn chặt với thương mại điện tử, logistics, phân phối hàng hóa và chuỗi cung ứng của nền kinh tế số. Trong nền kinh tế số, mọi giao dịch đều được hình thành trên môi trường số nhưng chỉ hoàn tất khi hàng hóa được giao nhận trong thực tiễn. Nếu hạ tầng viễn thông bảo đảm dòng chảy dữ liệu thì bưu chính chính là hạ tầng bảo đảm dòng chảy vật chất của nền kinh tế số.

Sự phát triển nhanh của thương mại điện tử và các mô hình kinh doanh số đã làm thay đổi căn bản vai trò của lĩnh vực bưu chính, từ một dịch vụ chuyên phát truyền thông trở thành hạ tầng thiết yếu có tính nền tảng đối với hoạt động của nền kinh tế. Tuy nhiên, khuôn khổ pháp lý hiện hành vẫn chủ yếu được thiết kế theo mô hình quản lý truyền thông, chưa phản ánh đầy đủ vai trò mới của bưu chính trong nền kinh tế số cũng như chưa theo kịp sự thay đổi của cấu trúc thị trường và mô hình hoạt động của doanh nghiệp bưu chính.

Trên thực tế, các doanh nghiệp bưu chính hiện nay có thể chia thành hai nhóm cơ bản. Nhóm thứ nhất là doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính, tức là doanh nghiệp trực tiếp thiết lập, quản lý hoặc kiểm soát một hoặc một số thành phần của mạng bưu chính để tổ chức cung ứng dịch vụ. Đây là nhóm doanh nghiệp đầu tư hạ tầng vật lý, trung tâm chia chọn, kho bãi, phương tiện vận chuyển, hệ thống công nghệ và trực tiếp điều hành mạng lưới cung ứng dịch vụ trên phạm vi rộng.

Nhóm thứ hai là doanh nghiệp bưu chính không vận hành mạng bưu chính, tức là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính trên cơ sở sử dụng mạng bưu chính do doanh nghiệp khác vận hành. Các doanh nghiệp này chủ yếu tập trung khai thác nền tảng số, phát triển khách hàng, tổ chức đơn hàng và kết nối nhu cầu thị trường mà không trực tiếp đầu tư hoặc kiểm soát hạ tầng mạng bưu chính quy mô lớn.

Tuy nhiên, Luật Bưu chính năm 2010 hiện chưa có sự phân loại rõ ràng giữa hai nhóm doanh nghiệp nêu trên để áp dụng cơ chế quản lý phù hợp với tính chất hoạt động của từng loại hình doanh nghiệp. Điều này dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý nhà nước về giá cước, chất lượng dịch vụ, trách nhiệm bảo đảm an toàn, an ninh bưu chính cũng như việc xác định nghĩa vụ đầu tư, duy trì và phát triển hạ tầng mạng bưu chính.

Bên cạnh đó, pháp luật hiện hành chưa hình thành đầy đủ cơ chế phát triển, khai thác và chia sẻ hiệu quả hạ tầng mạng bưu chính. Trong khi thực tế cho thấy hạ tầng mạng bưu chính ngày càng có vai trò quan trọng đối với thương mại điện tử,

logistics, phát triển kinh tế số và kết nối vùng miền thì cơ chế chính sách hiện nay chưa tạo đủ động lực để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển mạng bưu chính quy mô lớn, hiện đại, đồng bộ và phủ rộng trên toàn quốc.

Ngoài ra, việc chưa định vị đầy đủ bưu chính là hạ tầng thiết yếu của quốc gia và của nền kinh tế số cũng làm hạn chế vai trò của lĩnh vực bưu chính trong hỗ trợ phát triển thương mại điện tử, thúc đẩy lưu thông hàng hóa, kết nối sản xuất với tiêu dùng và bảo đảm khả năng tiếp cận thị trường của người dân, doanh nghiệp, đặc biệt tại khu vực nông thôn, miền núi, biên giới và hải đảo.

Đối với công tác quản lý nhà nước, Luật Bưu chính năm 2010 hiện đang áp dụng đồng thời cơ chế tiền kiểm và hậu kiểm đối với hoạt động bưu chính. Theo đó, địa phương thực hiện cấp giấy phép bưu chính và xác nhận thông báo hoạt động bưu chính đối với phạm vi nội tỉnh; Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện cấp giấy phép và xác nhận hoạt động đối với phạm vi liên tỉnh và quốc tế.

Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, chủ trương của Đảng và Nhà nước là đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền và chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm nhằm tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, thuận lợi cho doanh nghiệp nhưng vẫn bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Kết luận số 18-KL/TW Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030 cũng đặt ra yêu cầu tiếp tục đẩy mạnh phân cấp giải quyết thủ tục hành chính gắn với mục tiêu phấn đấu tăng trưởng kinh tế “hai con số”.

Trong khi đó, cơ chế quản lý hiện hành của Luật Bưu chính vẫn còn mang tính truyền thống, chưa theo kịp tốc độ phát triển của thị trường và yêu cầu cải cách quản lý nhà nước trong điều kiện kinh tế số. Một số quy định về cấp phép, xác nhận hoạt động bưu chính còn nặng về tiền kiểm; thủ tục hành chính còn phân tán; phương thức quản lý chưa thực sự phù hợp với mô hình kinh doanh trên nền tảng số và sự phát triển nhanh của doanh nghiệp bưu chính thương mại.

Bên cạnh đó, cùng với sự phát triển của công nghệ số và chuyển đổi số, trong lĩnh vực bưu chính cũng xuất hiện ngày càng nhiều mô hình kinh doanh mới dựa trên nền tảng số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và công nghệ điều phối thông minh. Một số doanh nghiệp không trực tiếp vận hành mạng bưu chính nhưng sử dụng “nguồn lực đám đông”, nền tảng số và công nghệ kết nối để hình thành năng lực cung ứng dịch vụ rất lớn, đáp ứng nhanh nhu cầu của thị trường. Ngoài ra, lĩnh vực bưu chính cũng đang có tiềm năng phát triển mạnh các mô hình công nghệ mới như rô-bốt giao hàng, thiết bị bay không người lái, kho thông minh và các giải pháp logistics số.

Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các mô hình kinh doanh và công nghệ mới trong lĩnh vực bưu chính. Điều này dẫn đến khó khăn trong việc vừa tạo điều kiện thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng

công nghệ mới, vừa bảo đảm kiểm soát rủi ro trong quá trình triển khai thực tế, đặc biệt đối với các vấn đề liên quan đến an toàn, an ninh, cạnh tranh thị trường và bảo vệ quyền lợi người sử dụng dịch vụ.

Bên cạnh đó, sự phát triển rất nhanh của thị trường bưu chính cũng kéo theo nhiều thách thức về an toàn, an ninh bưu chính. Tình trạng lợi dụng dịch vụ bưu chính để vận chuyển hàng lậu, hàng cấm, hàng giả, giấy tờ giả mạo và các vật phẩm vi phạm pháp luật vẫn còn diễn biến phức tạp. Trong điều kiện sản lượng bưu gửi tăng rất nhanh và quy trình khai thác ngày càng được số hóa, tự động hóa, nếu không có cơ chế quản lý hiện đại dựa trên dữ liệu, định danh người gửi và quản lý rủi ro thì sẽ khó bảo đảm hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và truy vết bưu gửi.

Ngoài ra, hoạt động bưu chính hiện nay sử dụng số lượng lớn phương tiện vận tải, năng lượng và bao bì đóng gói. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có đầy đủ cơ chế thúc đẩy phát triển “bưu chính xanh”, sử dụng phương tiện thân thiện môi trường, tối ưu vận chuyển, giảm phát thải và tái sử dụng bao bì trong hoạt động bưu chính.

Từ những tồn tại, hạn chế nêu trên cho thấy cần thiết phải đổi mới toàn diện cơ chế quản lý hoạt động bưu chính theo hướng phù hợp với cấu trúc thị trường mới và vai trò mới của bưu chính trong nền kinh tế số; phân loại doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng và doanh nghiệp không vận hành mạng để áp dụng cơ chế quản lý phù hợp; hoàn thiện cơ chế phát triển, khai thác và chia sẻ hạ tầng mạng bưu chính; đồng thời bổ sung các quy định về dữ liệu bưu chính, định danh người gửi, quản lý rủi ro, thử nghiệm có kiểm soát đối với mô hình kinh doanh và công nghệ mới cũng như phát triển “bưu chính xanh”.

Việc hoàn thiện chính sách theo hướng này không chỉ nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động bưu chính mà còn nhằm thiết lập khuôn khổ pháp lý cho một hạ tầng thiết yếu của nền kinh tế số, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi số quốc gia, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong giai đoạn mới.

4. Về chuyển đổi sang bưu chính số an toàn dựa trên dữ liệu bưu chính, định danh người gửi và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực bưu chính

Giai đoạn 2020 - 2025 chứng kiến sự tăng trưởng bùng nổ của thị trường bưu chính Việt Nam cùng với sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử và kinh tế số. Tổng sản lượng bưu gửi tăng hơn bốn (04) lần, từ khoảng 01 tỷ bưu gửi năm 2020 lên hơn 4,2 tỷ bưu gửi năm 2025, trong đó bưu gửi là gói, kiện hàng hóa chiếm hơn 90% tổng sản lượng bưu gửi toàn thị trường. Tốc độ tăng trưởng rất nhanh của thị trường bưu chính đã làm thay đổi căn bản phương thức tổ chức, vận hành và quản lý hoạt động bưu chính.

Trong bối cảnh đó, xu hướng tất yếu của các doanh nghiệp bưu chính là chuyển toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ lên môi trường số. Các công đoạn khai thác, chia chọn, vận chuyển, theo dõi hành trình bưu gửi, quản lý đơn hàng, quản lý khách hàng, thanh toán và chăm sóc khách hàng hiện nay đều được tổ chức, quản lý trên các nền tảng số và dựa trên dữ liệu bưu chính. Nói cách khác, bưu chính truyền thống đang từng bước chuyển dịch thành bưu chính số nhằm nâng cao hiệu quả vận hành, tối ưu chi phí, nâng cao chất lượng dịch vụ và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người sử dụng dịch vụ trong nền kinh tế số.

Tuy nhiên, trong khi hoạt động bưu chính trên thực tế đã chuyển mạnh sang môi trường số thì khuôn khổ pháp lý hiện hành vẫn chủ yếu được xây dựng theo mô hình quản lý truyền thống, chưa có đầy đủ quy định về dữ liệu bưu chính, định danh người gửi, kết nối và chia sẻ dữ liệu, quản lý bưu gửi theo mức độ rủi ro cũng như trách nhiệm của doanh nghiệp bưu chính trong môi trường số. Điều này dẫn đến khoảng trống pháp lý trong công tác quản lý nhà nước, làm hạn chế khả năng khai thác dữ liệu phục vụ quản lý, truy vết và kiểm soát hoạt động bưu chính trong toàn trình cung ứng dịch vụ.

Bên cạnh đó, sự gia tăng rất nhanh về sản lượng bưu gửi cũng kéo theo nhiều nguy cơ, thách thức về an toàn, an ninh bưu chính. Theo số liệu của các cơ quan chức năng, tình trạng lợi dụng dịch vụ bưu chính để vận chuyển hàng lậu, hàng cấm, hàng giả, giấy tờ giả mạo, tài liệu phản động và các vật phẩm vi phạm pháp luật vẫn còn diễn biến phức tạp. Trong điều kiện sản lượng bưu gửi tăng rất nhanh và quy trình khai thác ngày càng được tự động hóa, nếu không có cơ chế quản lý hiện đại dựa trên dữ liệu, định danh và quản lý rủi ro thì sẽ khó bảo đảm hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và truy vết bưu gửi.

Ngoài ra, sự phát triển của thương mại điện tử và các nền tảng số cũng làm thay đổi phương thức cung ứng dịch vụ bưu chính. Nhiều mô hình kinh doanh mới xuất hiện trên cơ sở ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và nền tảng kết nối số. Một số doanh nghiệp bưu chính không trực tiếp vận hành mạng bưu chính nhưng sử dụng “nguồn lực đám đông”, nền tảng số và công nghệ điều phối để hình thành năng lực cung ứng dịch vụ rất lớn, đáp ứng nhanh nhu cầu của thị trường. Xu hướng này tạo ra nhiều cơ hội đổi mới sáng tạo nhưng đồng thời cũng đặt ra yêu cầu phải hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để bảo đảm minh bạch thị trường, cạnh tranh lành mạnh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và bảo đảm an toàn, an ninh trong hoạt động bưu chính.

Trong thời gian tới, cùng với sự phát triển của công nghệ số và kinh tế tầm thấp, lĩnh vực bưu chính được dự báo sẽ tiếp tục xuất hiện nhiều mô hình và công nghệ mới như ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tối ưu khai thác, sử dụng rô-bốt trong chia chọn và giao hàng, thiết bị bay không người lái để vận chuyển bưu gửi, phương tiện tự hành, kho thông minh và các mô hình logistics số tích hợp trên nền tảng dữ

liệu. Các công nghệ này có tiềm năng rút ngắn thời gian giao hàng, giảm chi phí vận hành, nâng cao chất lượng dịch vụ và tối ưu khai thác hạ tầng bưu chính.

Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với các mô hình, công nghệ mới trong lĩnh vực bưu chính. Điều này dẫn đến khó khăn trong việc vừa tạo điều kiện cho doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ mới, vừa bảo đảm kiểm soát rủi ro trong quá trình triển khai thực tế. Trong khi đó, đặc điểm của lĩnh vực bưu chính là liên quan trực tiếp đến lưu thông hàng hóa, an toàn xã hội, dữ liệu người sử dụng và hạ tầng phục vụ nền kinh tế số nên việc thiếu cơ chế thử nghiệm phù hợp có thể làm chậm quá trình đổi mới công nghệ và giảm khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp bưu chính Việt Nam.

Bên cạnh yêu cầu chuyển đổi số và đổi mới công nghệ, lĩnh vực bưu chính hiện nay cũng đang đứng trước yêu cầu phát triển bền vững và bảo vệ môi trường. Doanh nghiệp bưu chính là nhóm doanh nghiệp sử dụng số lượng lớn phương tiện vận tải, năng lượng và bao bì đóng gói trong quá trình cung ứng dịch vụ. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có đầy đủ quy định và cơ chế khuyến khích phát triển “bưu chính xanh”, sử dụng phương tiện thân thiện môi trường, tối ưu tuyến vận chuyển, tái sử dụng hoặc giảm thiểu bao bì nhựa và giảm phát thải trong hoạt động bưu chính.

Trong nền kinh tế số, mọi giao dịch đều được hình thành trên môi trường số nhưng chỉ được hoàn tất khi hàng hóa được giao nhận trong thực tiễn. Nếu hạ tầng viễn thông bảo đảm dòng chảy dữ liệu thì bưu chính chính là hạ tầng bảo đảm dòng chảy vật chất của nền kinh tế số. Sự phát triển nhanh của thương mại điện tử và các mô hình kinh doanh số đã làm thay đổi căn bản vai trò của bưu chính, từ một dịch vụ chuyển phát truyền thống trở thành một hạ tầng thiết yếu, có tính nền tảng đối với hoạt động của nền kinh tế.

Từ những tồn tại, hạn chế nêu trên cho thấy cần thiết phải xây dựng khuôn khổ pháp lý cho quá trình chuyển đổi từ bưu chính truyền thống sang bưu chính số theo hướng hiện đại, an toàn và dựa trên dữ liệu; bổ sung các quy định về dữ liệu bưu chính, định danh người gửi, quản lý bưu gửi theo mức độ rủi ro, kết nối và chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước và bảo đảm an toàn, an ninh bưu chính.

Đồng thời, cần hoàn thiện cơ chế pháp lý cho thử nghiệm có kiểm soát đối với các mô hình kinh doanh và công nghệ mới trong lĩnh vực bưu chính nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp bưu chính Việt Nam nhưng vẫn bảo đảm kiểm soát rủi ro, bảo vệ quyền lợi người sử dụng dịch vụ và giữ vững an ninh, an toàn xã hội.

Bên cạnh đó, cần bổ sung các chính sách thúc đẩy phát triển “bưu chính xanh”, sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm phát thải và khuyến khích ứng dụng công nghệ thân thiện môi trường trong hoạt động bưu chính nhằm bảo đảm phát triển bền vững lĩnh vực bưu chính trong dài hạn.

Vì vậy, việc xây dựng Luật Bưu chính (sửa đổi) không chỉ nhằm hoàn thiện quy định pháp lý cho hoạt động cung ứng dịch vụ bưu chính mà còn nhằm thiết lập khuôn khổ pháp lý cho một hạ tầng thiết yếu của nền kinh tế số, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi số quốc gia, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong giai đoạn mới.

- Sự gia tăng nhanh của sản lượng bưu gửi, từ khoảng 01 tỷ bưu gửi năm 2020 lên hơn 4,2 tỷ bưu gửi năm 2025, cùng với yêu cầu ngày càng cao về thời gian toàn trình và khả năng truy vết, đặt ra yêu cầu chuyển đổi hoạt động bưu chính sang mô hình vận hành dựa trên dữ liệu. Tuy nhiên, khuôn khổ pháp luật hiện hành chưa có quy định đầy đủ về dữ liệu bưu chính, chuẩn hóa dữ liệu và định danh người gửi, dẫn đến khoảng trống pháp lý trong quản lý và tổ chức cung ứng dịch vụ.

Hiện nay, dữ liệu bưu chính còn phân tán, thiếu chuẩn hóa và chưa được kết nối, khai thác thống nhất; việc định danh người gửi chưa được thực hiện đồng bộ giữa các doanh nghiệp. Điều này làm hạn chế khả năng theo dõi, truy vết bưu gửi trong toàn trình, giảm hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời ảnh hưởng đến độ tin cậy và tính minh bạch của dịch vụ bưu chính trong bối cảnh gắn với các giao dịch số.

Trong khi đó, xu hướng phát triển cho thấy mỗi bưu gửi cần được quản lý như một thực thể dữ liệu có thể theo dõi, truy xuất trong suốt quá trình cung ứng dịch vụ. Việc thiếu các quy định pháp lý về chuẩn hóa, kết nối dữ liệu và định danh người gửi khiến hệ thống bưu chính chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý hiện đại, đặc biệt trong việc bảo đảm an toàn, an ninh và xử lý các tình huống phát sinh.

Việc tổ chức lại hệ thống bưu chính trên nền tảng dữ liệu bưu chính thống nhất, kết hợp với định danh người gửi là điều kiện để nâng cao hiệu quả quản lý, bảo đảm an toàn và minh bạch. Dữ liệu được chuẩn hóa và kết nối cho phép theo dõi toàn bộ quá trình cung ứng dịch vụ; định danh người gửi giúp truy vết người gửi và nâng cao trách nhiệm của các chủ thể tham gia.

Sự kết hợp này tạo nền tảng cho một hệ thống bưu chính vận hành hiệu quả trên quy mô lớn, đồng thời hỗ trợ phát triển dịch vụ mới và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Do đó, cần thiết phải bổ sung các quy định pháp lý nhằm xây dựng hệ thống bưu chính số minh bạch, có khả năng truy vết toàn trình, bảo đảm an toàn và nâng cao hiệu quả quản lý, từ đó giảm thiểu nguy cơ mất an toàn, an ninh bưu chính. Đây là cơ sở để nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường khả năng truy vết, bảo đảm an toàn, an ninh bưu chính, đồng thời tạo nền tảng cho phát triển bưu chính số và các dịch vụ mới trong thời gian tới.

- Sự phát triển nhanh của công nghệ và các mô hình kinh doanh mới khiến khuôn khổ pháp lý hiện hành khó theo kịp. Nếu áp dụng đầy đủ các quy định hiện có, có thể cản trở đổi mới; nếu thiếu kiểm soát, có thể phát sinh rủi ro đối với hệ

thông và người sử dụng. Điều này đòi hỏi phải có cách tiếp cận linh hoạt hơn trong quản lý.

Nhiều công nghệ và mô hình mới chỉ có thể đánh giá đầy đủ khi được triển khai trong điều kiện thực tế.

Việc thiết lập cơ chế này tạo môi trường thuận lợi cho đổi mới sáng tạo, đồng thời nâng cao chất lượng xây dựng chính sách và bảo đảm sự phát triển an toàn của hệ thống bưu chính.

Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ mới (AI, thiết bị bay không người lái, robot...) trong mọi lĩnh vực đang là xu hướng trên toàn cầu, trong đó, bưu chính là một lĩnh vực nhiều tiềm năng để ứng dụng các công nghệ này.

Vì vậy, việc bổ sung quy định thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực bưu chính là yêu cầu tất yếu trong bối cảnh chuyển đổi số.

II. NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG TỔN TẠI, HẠN CHẾ

1. Nguyên nhân khách quan

Những hạn chế, bất cập trong quy định của Luật Bưu chính, cũng như trong công tác thi hành Luật bắt nguồn từ các nguyên nhân khách quan sau:

- Sự thay đổi của hệ thống pháp luật liên quan: Từ sau năm 2010 đến nay, hệ thống pháp luật Việt Nam đã được sửa đổi, hoàn thiện mạnh mẽ với nhiều luật nền tảng như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Cạnh tranh, Luật Quy hoạch... Do đó, một số quy định của Luật Bưu chính liên quan đến doanh nghiệp bưu chính không còn phù hợp, cần được rà soát, điều chỉnh để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Yêu cầu thực hiện các cam kết quốc tế: Việt Nam đã tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA... với các cam kết mở cửa thị trường và yêu cầu minh bạch, cạnh tranh cao hơn so với các cam kết khi gia nhập WTO. Điều này đặt ra yêu cầu phải rà soát để xem xét nội luật hóa và hoàn thiện các quy định pháp luật về bưu chính để bảo đảm thực thi đầy đủ các cam kết quốc tế.

- Sự thay đổi căn bản của thị trường bưu chính: Cơ cấu dịch vụ bưu chính đã chuyển dịch mạnh từ thư truyền thống sang bưu gửi hàng hóa, đặc biệt là gói, kiện phục vụ thương mại điện tử. Phương thức cung ứng dịch vụ cũng thay đổi từ chấp nhận tại bưu cục sang thu gom tại địa chỉ người gửi, đồng thời xuất hiện các mô hình kinh doanh mới như đại lý, nhượng quyền thương mại, ứng dụng công nghệ số... Những thay đổi này vượt ra ngoài khuôn khổ điều chỉnh của Luật hiện hành, gây khó khăn cho công tác quản lý.

- Sự phát triển của công nghệ và thay đổi hành vi sử dụng dịch vụ: Sự phổ biến của Internet và các dịch vụ số (email, điện thoại, video call...) làm giảm mạnh nhu cầu sử dụng thư truyền thống và dịch vụ bưu chính công ích. Điều này đòi hỏi phải rà soát, điều chỉnh lại phạm vi, phương thức cung ứng và cơ chế quản lý dịch vụ bưu chính công ích cho phù hợp với thực tiễn.

2. Nguyên nhân chủ quan

Luật Bưu chính được ban hành trong bối cảnh thị trường bưu chính mới được mở cửa, chính sách chủ yếu tập trung tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia, trong khi quy mô thị trường còn nhỏ, số lượng doanh nghiệp bưu chính chưa nhiều và mức độ phát triển chưa cao.

Do đó, nhiều vấn đề phát sinh trong quá trình phát triển của thị trường bưu chính, đặc biệt là các nội dung liên quan đến mở rộng phạm vi dịch vụ, phân định với vận tải và logistics, quản lý theo dữ liệu, định danh người gửi, cũng như các mô hình kinh doanh và công nghệ mới, chưa được dự liệu đầy đủ trong Luật.

Bên cạnh đó, tư duy quản lý tại thời điểm xây dựng Luật còn thiên về quản lý dịch vụ truyền thống, chưa theo kịp xu hướng phát triển của kinh tế số và thương mại điện tử, dẫn đến một số quy định chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, làm phát sinh khoảng trống trong quản lý và hạn chế khả năng đổi mới của doanh nghiệp.

D. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. Cơ sở chính trị, pháp lý

Trong thời gian qua, các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đề phát triển lĩnh vực bưu chính được thể hiện tại nhiều Nghị quyết, Quyết định và các văn bản quan trọng, cụ thể như sau:

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã đề ra các định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2026 - 2030, trong đó có nội dung: *“Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Khẩn trương, quyết liệt đổi mới và hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ, các ngành mũi nhọn phù hợp với nguyên tắc thị trường, chuẩn mực và thông lệ quốc tế”*.

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đề ra nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong đó bao gồm: *“Rà soát, hoàn thiện luật chuyên ngành về du lịch, thương mại, đường sắt, **bưu chính**, công nghệ thông tin, viễn thông...”*.

- Ngày 30/5/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 654/QĐ-TT phê duyệt “Chiến lược phát triển bưu chính đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030” với tầm nhìn đến năm 2030: *“Bưu chính trở thành hạ tầng thiết yếu của quốc gia và của nền kinh tế số, đặc biệt là của thương mại điện tử”*. Để hiện thực hóa tầm nhìn nêu trên, Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ cho Bộ Khoa học và Công nghệ: *“Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật để khuyến khích đổi mới, sáng tạo, thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực bưu chính, góp phần phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số”*.

- Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước yêu cầu: “... *đẩy mạnh phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước giữa trung ương và địa phương*”.

- Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật: “*đẩy mạnh thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền; cải cách triệt để thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ... luật điều chỉnh các nội dung về kiến tạo phát triển chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn*”.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, trong đó có các quan điểm, định hướng: “*Tập trung xây dựng pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo hành lang pháp lý cho những vấn đề mới, phi truyền thống (trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, khai thác nguồn lực dữ liệu, tài sản mã hóa...)*”.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đã đưa ra quan điểm chỉ đạo: “... *kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia, là lực lượng tiên phong thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng xanh, tuần hoàn, bền vững... Tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, dễ thực thi, chi phí thấp, đạt chuẩn quốc tế, bảo đảm khả năng cạnh tranh khu vực, toàn cầu... Kịp thời xây dựng, hoàn thiện pháp luật và cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển trong những lĩnh vực ưu tiên, đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số...*”.

- Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước có các quan điểm, định hướng: “*Kinh tế nhà nước là thành phần đặc biệt quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;... Tách bạch việc sử dụng nguồn lực nhà nước trong cung cấp hàng hoá, dịch vụ công, thực hiện nhiệm vụ chính trị với các hoạt động kinh doanh... Phát huy vai trò của các doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trong mối quan hệ liên kết, hợp tác nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ;*

- Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Bộ Chính trị về Kết luận Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số” theo đó: “*Đẩy mạnh xây dựng đồng bộ thể chế kiến tạo và phát triển bền vững, tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các điểm nghẽn; huy động, khơi thông và giải phóng nhanh mọi nguồn*

lực; phát triển lực lượng sản xuất mới. Phân cấp, phân quyền tối đa, thực chất gắn với cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi, tăng cường giám sát, kiểm tra, đôn đốc; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực”.

Các Nghị quyết, Quyết định, văn bản nêu trên đã thể hiện quyết tâm của Đảng, Nhà nước trong việc hoàn thiện khung pháp lý, thúc đẩy phát triển và quản lý hiệu quả lĩnh vực bưu chính, trong đó, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số là nền tảng, hướng tới mục tiêu hỗ trợ, tạo động lực cho các doanh nghiệp bưu chính phát triển nhanh, bền vững thông qua các quy định trong Luật Bưu chính (sửa đổi).

II. Về mục tiêu, quan điểm

1. Mục tiêu

- Thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước có liên quan đến lĩnh vực bưu chính, đặc biệt là các định hướng tại Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV và “Bộ tứ nghị quyết mới của Trung ương về thể chế và phát triển”, bao gồm: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 về phát triển kinh tế nhà nước.

- Hoàn thiện khuôn khổ pháp luật về bưu chính, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, ổn định, khả thi; giải quyết các vướng mắc, bất cập phát sinh trong thực tiễn.

- Nội luật hóa đầy đủ các cam kết quốc tế trong lĩnh vực bưu chính, phù hợp tiến trình hội nhập và bảo vệ lợi ích quốc gia.

- Mở rộng không gian lĩnh vực bưu chính, mở rộng hệ sinh thái dịch vụ bưu chính, phát triển hạ tầng bưu chính số, đảm bảo an toàn dữ liệu, an ninh mạng; hỗ trợ phát triển thương mại điện tử, nhất là thương mại điện tử xuyên biên giới; góp phần phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Khuyến khích đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người tiêu dùng, thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân đóng vai trò động lực quan trọng trong phát triển dịch vụ bưu chính.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, góp phần xây dựng nền hành chính hiện đại, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

2. Quan điểm

- Bảo đảm phù hợp với Hiến pháp và các quy định pháp luật có liên quan; Tuân thủ đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn có liên quan; bảo đảm tiến độ thực hiện theo nhiệm vụ, kế hoạch được giao.

- Phát triển bưu chính thành một trong các hạ tầng quan trọng, thiết yếu của quốc gia, được sử dụng để cung ứng các sản phẩm, dịch vụ bưu chính và các sản phẩm, dịch vụ khác; tham gia phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp khẩn cấp, trong đó lấy mạng bưu chính công cộng làm nòng cốt.

- Đổi mới bưu chính trở thành bưu chính số an toàn dựa trên dữ liệu. Dịch vụ bưu chính trở thành một trong các dịch vụ thiết yếu của xã hội, phục vụ nhu cầu đa dạng của tổ chức, doanh nghiệp, người dân.

- Bảo đảm mọi người dân trên cả nước đều có quyền được tiếp cận và sử dụng dịch vụ bưu chính phổ cập thường xuyên, ổn định, với chất lượng và giá cước hợp lý.

- Minh bạch, đơn giản hóa thủ tục hành chính nhằm tạo lập môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp bưu chính, góp phần thúc đẩy thương mại điện tử, nhất là thương mại điện tử xuyên biên giới.

III. Đề xuất, kiến nghị

Trên cơ sở tổng kết thi hành Luật Bưu chính, rà soát khó khăn, vướng mắc, vấn đề mới, xu hướng mới chưa thể giải quyết tại quy định pháp luật hiện hành, đồng thời trên cơ sở rà soát chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước đối với lĩnh vực này, trên cơ sở các chính sách đã được Chính phủ thông qua, Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất các nội dung cụ thể liên quan đến 04 chính sách của Luật Bưu chính (sửa đổi) như sau:

1. Chính sách 1: Điều chỉnh, mở rộng phạm vi dịch vụ bưu chính, là dịch vụ chấp nhận, vận chuyển, phát bưu gửi và các công đoạn liên quan trực tiếp đến bưu gửi như: lưu kho, xử lý đơn hàng, đóng gói, hoàn trả, phát hàng thu tiền, được tổ chức trên mạng bưu chính

Với vai trò là hạ tầng bảo đảm dòng chảy vật chất của nền kinh tế số, bưu chính không thể chỉ dừng ở hoạt động chuyển phát mà phải bao gồm toàn bộ quá trình xử lý bưu gửi gắn với giao dịch số.

Do vậy, nội dung dự thảo Luật đã điều chỉnh, mở rộng phạm vi dịch vụ bưu chính tập trung vào quy định sau:

- Sửa đổi, điều chỉnh phạm vi “dịch vụ bưu chính”, từ chỉ bao gồm các hoạt động: chấp nhận, vận chuyển và phát bưu gửi, thành dịch vụ chấp nhận, chia chọn, vận chuyển, phát bưu gửi và các công đoạn liên quan trực tiếp đến từng bưu gửi trong quá trình cung cấp dịch vụ, bao gồm: lưu kho, xử lý đơn hàng, đóng gói và hoàn trả bưu gửi, phát hàng thu tiền (thu tiền khi phát bưu gửi), khai giá, được tổ chức và vận hành trên mạng bưu chính.

Ghi chú: Các công đoạn bổ sung này chỉ thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Bưu chính khi gắn trực tiếp với từng bưu gửi, **sau khi đã được chấp nhận**, được định danh và được thực hiện trên mạng bưu chính; không bao gồm hoạt động logistics độc lập. Dịch vụ phát hàng thu tiền (thu theo giá trị của bưu gửi), khai giá (cam kết bồi thường bằng giá trị bưu gửi) là dịch vụ dựa trên thỏa thuận thương mại

(tiền mặt hoặc chuyển khoản), không phải là hoạt động trung gian thanh toán độc lập (thu hộ chi hộ) theo quy định của pháp luật về ngân hàng (khoản 10 Điều 6 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 2010) hoặc dịch vụ kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật bảo hiểm (khoản 2 Điều 4 Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022).

- Quy định về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp tương ứng với phạm vi hoạt động mở rộng (phân định rõ với các hoạt động không thuộc lĩnh vực bưu chính), bao gồm: được xem xét bố trí theo quy hoạch và quy định của pháp luật về đất đai, bảo đảm công khai, minh bạch để đầu tư, xây dựng các trung tâm chia chọn, cơ sở lưu kho, xử lý đơn hàng và các công trình hạ tầng khác phục vụ cung cấp dịch vụ bưu chính (đối với hoạt động “lưu kho”), tách bạch, hạch toán riêng các khoản tiền thu, chi liên quan đến dịch vụ phát hàng thu tiền hoặc có cam kết về giá trị bưu gửi theo quy định của pháp luật. Trường hợp phát sinh rủi ro, tổn thất về bưu gửi hoặc vi phạm nghĩa vụ thanh toán, việc xác định trách nhiệm, xử lý tranh chấp và bồi thường thiệt hại sẽ được giải quyết dựa trên thỏa thuận giữa các bên, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật dân sự và pháp luật thương mại hiện hành (đối với công đoạn “phát hàng thu tiền”).

Các quy định trên đã được dự thảo Luật Bưu chính (sửa đổi) cụ thể hóa tại các điều khoản cụ thể như sau:

- Khoản 3 Điều 3: “*Dịch vụ bưu chính là dịch vụ chấp nhận, chia chọn, vận chuyển, phát bưu gửi và các công đoạn liên quan trực tiếp đến từng bưu gửi trong quá trình cung cấp dịch vụ, bao gồm: lưu kho, xử lý đơn hàng, đóng gói và hoàn trả bưu gửi, phát hàng thu tiền, khai giá được tổ chức và vận hành trên mạng bưu chính*”

- Điều 32 Quyền và nghĩa vụ chung của doanh nghiệp bưu chính, Điều 33 Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính, Điều 34 Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bưu chính không vận hành mạng bưu chính và Điều 35 Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bưu chính được chỉ định.

2. Chính sách 2: Điều chỉnh, mở rộng phạm vi, cơ chế quản lý dịch vụ bưu chính công ích: mở rộng phạm vi dịch vụ bưu chính phổ cập, bao gồm thư và gói, kiện hàng hóa, bảo đảm người dân được tiếp cận thương mại điện tử; bổ sung dịch vụ bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước; hỗ trợ cung cấp dịch vụ công cho người dân

Với vai trò của bưu chính là hạ tầng thiết yếu, việc tạo điều kiện để người dân tiếp cận dịch vụ thư và gói, kiện hàng hóa ở mức tối thiểu tương tự như tiếp cận thông tin và kết nối số, hướng tới mục tiêu 100% hộ gia đình có khả năng tiếp cận thương mại điện tử với giá cước và chất lượng dịch vụ bưu chính hợp lý.

Do vậy, nội dung dự thảo Luật đã điều chỉnh, mở rộng phạm vi, cơ chế quản lý dịch vụ bưu chính công ích tập trung vào quy định sau:

- Điều chỉnh phạm vi dịch vụ bưu chính công ích gồm: dịch vụ bưu chính phổ cập; dịch vụ bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước; dịch vụ chuyển phát báo,

tạp chí công ích và nhiệm vụ đặc thù khác.

- Điều chỉnh phạm vi dịch vụ bưu chính phổ cập gồm: dịch vụ thư và dịch vụ gói, kiện hàng hóa, trong giới hạn về khối lượng và đáp ứng tiêu chuẩn dịch vụ về chất lượng, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận dịch vụ để tham gia giao dịch trên môi trường số, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa.

- Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ phổ cập đồng thời với việc duy trì môi trường cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động bưu chính; phát triển điểm phục vụ bưu chính công cộng thành điểm cung cấp dịch vụ đa năng, hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ công và các dịch vụ thiết yếu trên nền tảng số.

- Điều chỉnh cơ chế tài chính đối với các doanh nghiệp bưu chính được chỉ định cung cấp dịch vụ bưu chính phổ cập bao gồm: giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu; đối với doanh nghiệp bưu chính khác tham gia cung cấp dịch vụ bưu chính phổ cập bao gồm: đặt hàng, đấu thầu.

Các quy định trên đã được dự thảo Luật Bưu chính (sửa đổi) cụ thể hóa tại các điều khoản cụ thể như sau:

- Khoản 2 Điều 4: *“Bảo đảm mọi người dân được tiếp cận và sử dụng dịch vụ bưu chính phổ cập một cách bình đẳng, liên tục, ổn định, với chất lượng và giá dịch vụ hợp lý”*

- Khoản 1 Điều 28: *“Điểm phục vụ đa năng trên mạng bưu chính công cộng là điểm phục vụ thuộc mạng bưu chính công cộng, được tổ chức để cung cấp đồng thời dịch vụ bưu chính và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan, phục vụ nhu cầu của người dân và tổ chức”.*

- Khoản 1 Điều 29. *Dịch vụ bưu chính công ích là dịch vụ bưu chính được cung cấp theo yêu cầu của Nhà nước, gồm:*

a) *Dịch vụ bưu chính phổ cập: là dịch vụ bưu chính thiết yếu bao gồm dịch vụ thư và dịch vụ gói, kiện hàng hóa được cung cấp đến mọi người dân trên phạm vi toàn quốc; dịch vụ gửi hồ sơ, tài liệu của cơ quan nhà nước qua mạng bưu chính công cộng;*

b) *Dịch vụ bưu chính KTI tại địa phương;*

c) *Dịch vụ chuyển phát báo, tạp chí công ích;*

d) *Các nhiệm vụ đặc thù khác do Nhà nước quy định.*

- Điều 30. *Cơ chế tài chính đối với dịch vụ bưu chính phổ cập*

1. *Nhà nước có cơ chế hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để bù đắp chi phí phát sinh từ việc thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ bưu chính phổ cập của doanh nghiệp bưu chính được chỉ định, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ.*

2. Cơ chế hỗ trợ tài chính đối với doanh nghiệp bưu chính được chỉ định bao gồm:

- a) Hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước;
- b) Thông qua phạm vi dịch vụ bưu chính dành riêng thuộc phạm vi dịch vụ bưu chính phổ cập theo quy định của pháp luật;
- c) Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, phát triển, duy trì mạng bưu chính công cộng, đặc biệt tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo;
- d) Các cơ chế hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

3. Doanh nghiệp bưu chính được chỉ định phải hạch toán riêng doanh thu, chi phí và các khoản hỗ trợ tài chính liên quan đến việc cung cấp dịch vụ bưu chính phổ cập; sử dụng các khoản hỗ trợ đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp cơ quan nhà nước sử dụng dịch vụ bưu chính phổ cập bằng nguồn ngân sách nhà nước thì thực hiện giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp bưu chính được chỉ định hoặc đặt hàng, đấu thầu theo quy định của pháp luật.

5. Nhà nước thực hiện điều chỉnh cơ chế hỗ trợ tài chính và phương thức cung cấp dịch vụ bưu chính phổ cập từng thời kỳ, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và nhu cầu sử dụng dịch vụ, bảo đảm hiệu quả và tính bền vững.

6. Chính phủ quy định điều này.

Điều 31. Doanh nghiệp bưu chính được chỉ định

1. Thủ tướng Chính phủ chỉ định doanh nghiệp bưu chính do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, quản lý mạng bưu chính công cộng, thực hiện cung cấp dịch vụ bưu chính công ích trên phạm vi toàn quốc và các nhiệm vụ đặc thù của Nhà nước theo nhiệm vụ, kế hoạch mà Nhà nước giao và quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp bưu chính được chỉ định có trách nhiệm cung cấp dịch vụ bưu chính phổ cập trên phạm vi toàn quốc và nhiệm vụ được Nhà nước giao theo quy định của pháp luật về cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

3. Chính sách 3: Phát triển bưu chính trở thành hạ tầng thiết yếu của quốc gia và của nền kinh tế số, đặc biệt là của thương mại điện tử

Với vai trò là hạ tầng thiết yếu, bưu chính phải được tổ chức theo cấu trúc của một hệ thống hạ tầng, không thể vận hành theo mô hình phân tán, thiếu phân định giữa đầu tư hạ tầng và cung ứng dịch vụ.

Nếu không tổ chức lại theo cấu trúc phù hợp, sẽ tiếp tục xảy ra tình trạng đầu tư dàn trải, phân mảnh hạ tầng và giảm hiệu quả toàn hệ thống, không đáp ứng được yêu cầu xử lý quy mô lớn của nền kinh tế số.

Do vậy, nội dung dự thảo Luật đã bổ sung quy định thúc đẩy phát triển bưu chính trở thành hạ tầng thiết yếu của quốc gia và của nền kinh tế số, đặc biệt là của thương mại điện tử tập trung vào quy định sau:

- Bổ sung khái niệm và khẳng định vai trò hạ tầng thiết yếu của bưu chính trong nền kinh tế số.

- Tổ chức thị trường theo mô hình hai lớp: (1) Doanh nghiệp vận hành mạng bưu chính: đầu tư, duy trì hạ tầng; (2) Doanh nghiệp không vận hành mạng: cung cấp dịch vụ bưu chính.

- Quy định quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính và doanh nghiệp bưu chính không vận hành mạng bưu chính để tạo cơ chế thúc đẩy chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng, tránh đầu tư dàn trải và đảm bảo sử dụng hiệu quả hạ tầng bưu chính.

- Bổ sung quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp bưu chính trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các tình huống khẩn cấp phải đảm bảo hạ tầng bưu chính thông suốt, phục vụ chuyển phát hàng hóa, nhu yếu phẩm cho người dân và hỗ trợ các hoạt động an sinh xã hội khác.

Các quy định trên đã được dự thảo Luật Bưu chính (sửa đổi) cụ thể hóa tại các điều khoản cụ thể như sau:

- Khoản 1 Điều 4: “*Phát triển bưu chính trở thành hạ tầng quan trọng, thiết yếu của quốc gia, giữ vai trò kết nối thông tin và lưu thông hàng hóa phục vụ phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân*”

- Điều 9. Thành phần mạng bưu chính

1. *Mạng bưu chính bao gồm các thành phần phục vụ việc chấp nhận, chia chọn, vận chuyển, phát bưu gửi và quản lý thông tin liên quan, bao gồm các thành phần sau đây:*

- a) Hệ thống chấp nhận bưu gửi;*
- b) Hệ thống khai thác và chia chọn;*
- c) Điểm trung chuyển, kho và cơ sở lưu giữ bưu gửi;*
- d) Hệ thống thông tin điều hành mạng bưu chính;*
- đ) Các thành phần khác phục vụ hoạt động bưu chính.*

2. *Doanh nghiệp bưu chính có thể sở hữu, thuê, hợp tác hoặc áp dụng phương thức khác phù hợp với quy định của pháp luật để thiết lập và vận hành một, một số hoặc toàn bộ các thành phần mạng bưu chính quy định tại khoản 1 Điều này; việc cung cấp dịch vụ bưu chính không phụ thuộc vào việc doanh nghiệp sở hữu đầy đủ các thành phần của mạng bưu chính.*

3. Doanh nghiệp bưu chính chịu trách nhiệm đối với việc cung cấp dịch vụ bưu chính trên mạng bưu chính do mình tổ chức, khai thác, kể cả trong trường hợp thuê, hợp tác hoặc sử dụng thành phần mạng bưu chính do tổ chức, cá nhân khác cung cấp.

- Điều 11. Doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính

1. Doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính là doanh nghiệp trực tiếp tổ chức, điều phối và kiểm soát hoạt động cung cấp dịch vụ bưu chính thông qua việc quản lý, vận hành đồng thời các thành phần cốt lõi của mạng bưu chính gồm hệ thống khai thác và chia chọn, hệ thống tiếp nhận bưu gửi và hệ thống thông tin điều hành mạng bưu chính.

2. Việc xác định doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính không phụ thuộc vào hình thức sở hữu các thành phần của mạng bưu chính.

3. Doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính chịu trách nhiệm đối với việc cung cấp dịch vụ bưu chính trên mạng do doanh nghiệp tự tổ chức, khai thác, kể cả trong trường hợp thuê, hợp tác hoặc sử dụng thành phần do tổ chức, cá nhân khác cung cấp.

4. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bưu chính được xác định tương ứng với phạm vi hoạt động, mức độ tham gia và năng lực vận hành mạng bưu chính của doanh nghiệp.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 12. Doanh nghiệp bưu chính không vận hành mạng bưu chính

1. Doanh nghiệp bưu chính không vận hành mạng bưu chính là doanh nghiệp không thuộc trường hợp quy định tại Điều 11 của Luật này.

2. Doanh nghiệp bưu chính không vận hành mạng bưu chính chịu trách nhiệm đối với việc cung cấp dịch vụ bưu chính do doanh nghiệp tự thực hiện, kể cả trong trường hợp thuê, hợp tác hoặc sử dụng thành phần do tổ chức, cá nhân khác cung cấp.

Điều 13. Đăng ký kinh doanh dịch vụ bưu chính

1. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bưu chính có trách nhiệm đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bưu chính trước khi cung cấp dịch vụ.

2. Nội dung đăng ký bao gồm:

- a) Thông tin doanh nghiệp;
- b) Loại doanh nghiệp bưu chính (doanh nghiệp vận hành mạng hoặc doanh nghiệp không vận hành mạng);
- c) Phạm vi cung cấp dịch vụ (liên tỉnh, quốc tế);
- d) Biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh trong cung cấp dịch vụ;

đ) Hệ thống quản lý chất lượng dịch vụ.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện xác nhận đăng ký. Việc xác nhận đăng ký chỉ nhằm kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ theo quy định, không bao gồm việc thẩm định nội dung hồ sơ. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin trong hồ sơ đăng ký và việc đáp ứng điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật trong suốt quá trình hoạt động. Việc đáp ứng điều kiện kinh doanh được thực hiện thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát theo quy định của Luật này.

4. Hết thời hạn quy định tại khoản 3 Điều này mà cơ quan nhà nước không có ý kiến thì doanh nghiệp được quyền cung cấp dịch vụ bưu chính theo nội dung đã đăng ký.

5. Cơ quan nhà nước chỉ được từ chối xác nhận đăng ký trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc nội dung đăng ký không phù hợp với quy định của Luật này và pháp luật có liên quan và phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

6. Nội dung đăng ký là căn cứ để xác định phạm vi cung cấp dịch vụ và trách nhiệm của doanh nghiệp.

7. Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký, thay đổi đăng ký, cập nhật đăng ký, hủy bỏ hiệu lực đăng ký kinh doanh dịch vụ bưu chính và quản lý thông tin đăng ký kinh doanh dịch vụ bưu chính.

- Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính

Ngoài quyền và nghĩa vụ chung quy định tại Điều 32, doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính có quyền và nghĩa vụ như sau:

1. Quyền

a) Tổ chức, vận hành và duy trì mạng bưu chính;

b) Thỏa thuận với doanh nghiệp bưu chính khác, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để hợp tác cung cấp một hoặc một số công đoạn của dịch vụ bưu chính;

c) Tổ chức, khai thác và cung cấp quyền sử dụng các thành phần của mạng bưu chính;

d) Tham gia cung cấp dịch vụ bưu chính phổ cập theo quy định của pháp luật;

đ) Chuyển đổi sang doanh nghiệp bưu chính không vận hành mạng bưu chính;

e) Được xem xét lựa chọn cung cấp dịch vụ bưu chính phổ cập theo cơ chế đặt hàng, đấu thầu;

g) Cung cấp quyền tiếp cận mạng bưu chính cho doanh nghiệp bưu

chính khác trên cơ sở thỏa thuận thương mại. Việc cung cấp quyền tiếp cận mạng bưu chính phải bảo đảm nguyên tắc công bằng, hợp lý, không phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp;

h) Được ưu tiên thành lập kho ngoại quan, địa điểm kiểm tra hải quan tại trung tâm chia chọn theo quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

i) Được ưu tiên sử dụng phương tiện vận tải chuyên ngành đi, đến, đỗ trong đô thị để cung cấp dịch vụ bưu chính theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương;

k) Được ưu tiên tiếp cận quỹ đất theo quy hoạch và quy định của pháp luật về đất đai để đầu tư, xây dựng các trung tâm chia chọn, cơ sở lưu kho, xử lý đơn hàng và các công trình hạ tầng khác phục vụ cung cấp dịch vụ bưu chính.

2. Nghĩa vụ

a) Duy trì hoạt động liên tục, ổn định mạng bưu chính theo phạm vi cung cấp dịch vụ;

b) Duy trì năng lực mạng bưu chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ;

c) Thực hiện yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về huy động mạng bưu chính trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp, quốc phòng, an ninh và pháp luật có liên quan;

d) Xử lý bưu gửi không có người nhận theo quy định;

đ) Giải quyết khiếu nại, tranh chấp, bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Thực hiện dịch vụ thay đổi họ tên, địa chỉ người nhận, rút lại bưu gửi, chuyển tiếp, chuyển hoàn bưu gửi theo quy định;

g) Bảo đảm khả năng kết nối, liên thông giữa các mạng bưu chính trên cơ sở thỏa thuận thương mại;

h) Thực hiện chia sẻ thông tin cần thiết phục vụ kết nối, khai thác mạng trên cơ sở thỏa thuận thương mại;

i) Ngừng khẩn cấp việc cung cấp dịch vụ bưu chính theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp có bạo loạn, sử dụng dịch vụ bưu chính nhằm chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, xâm phạm an ninh quốc gia.

- Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bưu chính không vận hành mạng bưu chính

Ngoài quyền và nghĩa vụ chung quy định tại Điều 32 của Luật này, doanh nghiệp bưu chính không vận hành mạng bưu chính có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Quyền

a) *Thỏa thuận với doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để hợp tác cung cấp một hoặc một số công đoạn của dịch vụ bưu chính;*

b) *Sử dụng mạng bưu chính của doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính và các thành phần mạng của doanh nghiệp khác theo thỏa thuận thương mại, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về cạnh tranh và pháp luật có liên quan;*

c) *Chuyển đổi thành doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính.*

2. Nghĩa vụ

a) *Bảo đảm cung cấp dịch vụ bưu chính theo đúng cam kết với người sử dụng dịch vụ và quy định của pháp luật;*

b) *Tuân thủ thỏa thuận với doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính và chịu trách nhiệm về phần dịch vụ do mình thực hiện;*

c) *Phối hợp với doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính để bảo đảm việc cung cấp dịch vụ liên tục, an toàn;*

d) *Không làm gián đoạn hoặc ảnh hưởng đến hoạt động của mạng bưu chính trái với thỏa thuận hoặc quy định của pháp luật.*

4. Chính sách 4: Đổi mới bưu chính thành bưu chính số an toàn dựa trên dữ liệu bưu chính và định danh người gửi

Trong mô hình bưu chính hiện đại, hạ tầng bưu chính không chỉ bao gồm hạ tầng vật lý mà còn bao gồm hạ tầng dữ liệu. Dữ liệu bưu chính phản ánh chất lượng và hiệu quả dòng chảy vật chất của nền kinh tế, là cơ sở để quản lý, tối ưu hóa và bảo đảm an toàn cho hệ thống.

Đối với một hạ tầng đang phát triển nhanh như bưu chính, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát không chỉ là công cụ hỗ trợ doanh nghiệp mà còn là công cụ để cơ quan quản lý kiểm chứng, điều chỉnh và hoàn thiện chính sách trên cơ sở thực tiễn. Các công nghệ và mô hình có thể áp dụng thử nghiệm bao gồm: tự động hóa trong khai thác, vận chuyển; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong chia chọn, giao hàng chặng cuối và các mô hình tổ chức dịch vụ linh hoạt.

Do vậy, nội dung dự thảo Luật đã bổ sung quy định đổi mới bưu chính thành bưu chính số an toàn dựa trên dữ liệu bưu chính và định danh người gửi tập trung vào quy định sau:

- Quy định nguyên tắc phát triển bưu chính số, dữ liệu bưu chính; khuyến khích việc chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong doanh nghiệp bưu chính, để bưu chính truyền thống trở thành bưu chính số.

- Quy định định danh bưu gửi và định danh người gửi, theo đó mỗi bưu gửi được gán với một định danh duy nhất, gắn với thông tin định danh người gửi, bảo đảm khả năng truy vết trong toàn bộ quá trình cung ứng dịch vụ.

- Quy định trách nhiệm của doanh nghiệp bưu chính trong việc thu thập, tạo lập, cập nhật và lưu trữ dữ liệu bưu chính và thông tin định danh người gửi.

- Quy định trách nhiệm của người sử dụng dịch vụ bưu chính trong việc cung cấp thông tin định danh và chịu trách nhiệm về nội dung bưu gửi theo quy định của pháp luật.

- Quy định cơ chế kết nối, cung cấp và khai thác dữ liệu giữa doanh nghiệp bưu chính với cơ quan quản lý nhà nước.

- Làm rõ thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc tiếp cận, sử dụng dữ liệu và xử lý các vụ việc mất an toàn, an ninh bưu chính.

- Quy định thử nghiệm có kiểm soát các công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới trong lĩnh vực bưu chính trên cơ sở các quy định chung về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đồng thời bổ sung các nguyên tắc miễn trừ một số quy định tại Luật này liên quan trực tiếp đến nội dung thử nghiệm.

- Bổ sung quy định khuyến khích ứng dụng các giải pháp “bưu chính xanh”, phát triển bưu chính theo hướng xanh, bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Các quy định trên đã được dự thảo Luật Bưu chính (sửa đổi) cụ thể hóa tại các điều khoản cụ thể như sau:

- Khoản 7 Điều 4: “Phát triển bưu chính theo hướng xanh, bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu; khuyến khích áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đã được công bố.”.

Điều 42. Nguyên tắc phát triển bưu chính số

1. Từng bước bảo đảm số hóa toàn trình hoạt động bưu chính, dữ liệu bưu chính được gắn với từng bưu gửi, cho phép ghi nhận, lưu giữ và truy xuất thông tin đối với từng bưu gửi và dữ liệu bưu chính trong toàn bộ quá trình chấp nhận, chia chọn, vận chuyển và phát theo yêu cầu hợp pháp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật về dữ liệu và an ninh mạng.

2. Bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ và liên thông dữ liệu giữa các hệ thống bưu chính và hệ thống thông tin có liên quan theo quy định của pháp luật về dữ liệu và an ninh mạng.

3. Bảo mật thông tin và dữ liệu của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về dữ liệu và an ninh mạng.

4. Bảo đảm không xâm phạm bí mật kinh doanh và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Điều 43. Dữ liệu bưu chính và quản lý dữ liệu bưu chính

1. Dữ liệu bưu chính bao gồm:

a) Thông tin về bưu gửi;

- b) Thông tin về người sử dụng dịch vụ bưu chính;
- c) Thông tin về quá trình chấp nhận, chia chọn, vận chuyển và phát bưu gửi;
- d) Các thông tin khác liên quan trực tiếp và cần thiết cho việc cung cấp dịch vụ bưu chính theo quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp bưu chính có trách nhiệm:

- a) Tạo lập và lưu giữ dữ liệu bưu chính cần thiết phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, phù hợp với mục đích, phạm vi và quy mô hoạt động;
- b) Quản lý, khai thác dữ liệu bưu chính phù hợp với mục đích sử dụng, phạm vi, quy mô hoạt động và theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Thu thập và sử dụng dữ liệu bưu chính

1. Doanh nghiệp bưu chính chỉ được thu thập dữ liệu bưu chính phục vụ trực tiếp hoặc cần thiết cho việc cung cấp dịch vụ bưu chính, quản lý, vận hành và nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính, phù hợp với mục đích cụ thể đã xác định tại thời điểm thu thập và theo quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2. Dữ liệu bưu chính được sử dụng trong các trường hợp sau:

- a) Cung cấp dịch vụ bưu chính;
- b) Giải quyết khiếu nại, bồi thường;
- c) Cải tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính trên cơ sở dữ liệu đã được thu thập hợp pháp;
- d) Cung cấp theo yêu cầu hợp pháp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về dữ liệu và pháp luật có liên quan.

3. Việc thu thập và sử dụng dữ liệu bưu chính:

- a) Không vượt quá phạm vi và mức độ cần thiết cho mục đích sử dụng;
- b) Không được sử dụng trái với mục đích đã xác định khi thu thập dữ liệu;
- c) Tuân thủ quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và pháp luật có liên quan.

Điều 45. Kết nối và cung cấp dữ liệu bưu chính

1. Doanh nghiệp bưu chính thực hiện kết nối hệ thống thông tin trong phạm vi cần thiết, theo yêu cầu và phương thức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định theo quy định của pháp luật và trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, nhằm phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước cụ thể, phù hợp với điều kiện kỹ thuật và quy mô hoạt động của doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp bưu chính cung cấp dữ liệu bưu chính do mình quản lý trong các trường hợp sau:

- a) Theo yêu cầu hợp pháp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- b) Theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Dữ liệu bưu chính được cung cấp phải:

- a) Phù hợp với mục đích, phạm vi và mức độ cần thiết của yêu cầu;*
- b) Không vượt quá dữ liệu do doanh nghiệp quản lý;*
- c) Không làm phát sinh chi phí bất hợp lý cho doanh nghiệp.*

4. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm:

- a) Yêu cầu cung cấp dữ liệu đúng thẩm quyền, mục đích và phạm vi cần thiết;*
- b) Sử dụng dữ liệu đúng mục đích, không vượt quá phạm vi đã yêu cầu;*
- c) Chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về việc yêu cầu và sử dụng dữ liệu.*

Điều 46. Lưu trữ và bảo vệ dữ liệu bưu chính

1. Doanh nghiệp bưu chính lưu trữ dữ liệu bưu chính trong thời hạn cần thiết phù hợp với mục đích thu thập dữ liệu và phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ bưu chính, theo quy định của pháp luật về lưu trữ, dữ liệu và pháp luật có liên quan.

2. Doanh nghiệp bưu chính có trách nhiệm:

- a) Áp dụng biện pháp bảo vệ dữ liệu phù hợp với mức độ rủi ro, loại dữ liệu và quy mô hoạt động theo quy định của pháp luật về dữ liệu và an ninh mạng;*
- b) Có biện pháp ngăn chặn truy cập trái phép, mất mát, tiết lộ hoặc thay đổi dữ liệu;*
- c) Thông báo kịp thời cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các chủ thể có liên quan khi xảy ra sự cố làm mất, lộ hoặc thay đổi dữ liệu;*
- d) Thực hiện các biện pháp khắc phục, hạn chế thiệt hại phát sinh từ sự cố dữ liệu theo quy định của pháp luật.*

Điều 47. Thử nghiệm có kiểm soát trong hoạt động bưu chính

1. Thử nghiệm có kiểm soát trong hoạt động bưu chính là việc cho phép doanh nghiệp triển khai mô hình, sản phẩm, dịch vụ, công nghệ hoặc phương thức vận hành mới trong hoạt động bưu chính trong phạm vi, thời gian và điều kiện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định của Luật này.

2. Thử nghiệm có kiểm soát trong hoạt động bưu chính được áp dụng đối với các nội dung sau đây:

- a) Mô hình cung ứng dịch vụ bưu chính mới;*
- b) Công nghệ, phương thức khai thác, chia chọn, vận chuyển và phát bưu gửi mới;*
- c) Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa trong hoạt động bưu chính;*
- d) Mô hình quản lý, khai thác và kết nối dữ liệu bưu chính;*

đ) Các nội dung đổi mới sáng tạo khác liên quan trực tiếp đến hoạt động bưu chính.

3. Trong phạm vi thử nghiệm, doanh nghiệp được áp dụng cơ chế miễn trừ có thời hạn, có phạm vi đối với một số quy định của Luật này liên quan trực tiếp đến nội dung thử nghiệm theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Không áp dụng miễn trừ đối với các quy định về:

- a) Quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội;*
- b) An toàn, an ninh bưu chính;*
- c) Bảo vệ dữ liệu, dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư;*
- d) Quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;*
- đ) Kiểm soát hàng hóa, vật phẩm bị cấm theo quy định của pháp luật;*
- e) Trách nhiệm bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ cơ bản của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.*

5. Việc thử nghiệm có kiểm soát phải bảo đảm:

- a) Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, thời gian và đối tượng thử nghiệm;*
- b) Có cơ chế giám sát, đánh giá và kiểm soát rủi ro;*
- c) Có biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh bưu chính và bảo vệ dữ liệu;*
- d) Có cơ chế xử lý đối với rủi ro và sự cố phát sinh trong quá trình thử nghiệm.*

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Trên đây là nội dung Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Bưu chính năm 2010 Bộ Khoa học và Công nghệ kính báo cáo Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phạm Đức Long;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, BC, TVT

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Đức Long

Phụ lục
KHUNG PHÁP LÝ HIỆN HÀNH VỀ BƯU CHÍNH

TT	TÊN VĂN BẢN	CẤP BAN HÀNH
1.	Luật Bưu chính	Thông qua tại Kỳ họp thứ 7, QH khóa XII (ngày 17/6/2010)
2.	Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/06/2011 về quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính	Chính phủ
3.	Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/04/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6 /2011 quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính	Chính phủ
4.	Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử.	Chính phủ
5.	Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27/01/2022 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 15/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử.	Chính phủ
6.	Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông	Chính phủ
7.	Quyết định số 32/2025/QĐ-TTg ngày 08/9/2025 về Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước (<i>thay thế Quyết định số 37/2021/QĐ-TTg</i>)	Thủ tướng Chính phủ
8.	Quyết định số 45/2015/QĐ-TTg ngày 24/9/2015 về cung ứng dịch vụ bưu chính công ích và dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí	Thủ tướng Chính phủ
9.	Quyết định 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích	Thủ tướng Chính phủ
10.	Quyết định số 41/2011/QĐ-TTg ngày 3/8/2011 về việc chỉ định doanh nghiệp thực hiện duy trì, quản lý mạng bưu chính công cộng, cung ứng dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ bưu chính quốc tế	Thủ tướng Chính phủ

11.	Thông tư số 49/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ bưu chính phổ cập và dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí	Bộ Khoa học và Công nghệ
12.	Thông tư số 15/2022/TT-BTTTT ngày 31/10/2022 hướng dẫn Quyết định số 37/2021/QĐ-TTg ngày 18/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước	Bộ Thông tin và Truyền thông
13.	Thông tư số 14/2018/TT-BTTTT ngày 15/10/2018 quy định về quản lý chất lượng dịch vụ bưu chính	Bộ Thông tin và Truyền thông
14.	Thông tư số 12/2018/TT-BTTTT ngày 15/10/2018 quy định mức giá cước tối đa dịch vụ bưu chính phổ cập	Bộ Thông tin và Truyền thông
15.	Thông tư số 10/2018/T-BTTTT ngày 29/6/2018 quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Thông tin và Truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông
16.	Thông tư số 15/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Thông tin và Truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông
17.	Thông tư số 30/2017/TT-BTTTT ngày 11/11/2017 quy định việc lắp đặt thùng thư công cộng tại khu đô thị, khu dân cư tập trung và hộp thư tập trung tại nhà chung cư, tòa nhà văn phòng	Bộ Thông tin và Truyền thông
18.	Thông tư số 23/2017/TT-BTTTT ngày 29/9/2017 quy định mức giá cước tối đa dịch vụ bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước ở địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông
19.	Thông tư số 22/2017/TT-BTTTT ngày 29/9/2017 về việc quy định mức giá cước tối đa và chính sách miễn, giảm giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính và dịch vụ chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích	Bộ Thông tin và Truyền thông
20.	Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 về việc quy định một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích	Bộ Thông tin và Truyền thông
21.	Thông tư số 07/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 quy định về mã bưu chính quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông
22.	Thông tư số 35/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 quy định về báo cáo nghiệp vụ bưu chính	Bộ Thông tin và Truyền thông
23.	Thông tư số 23/2016/TT-BTTTT ngày 2/11/2016 quy định về điều tra sản lượng và giá cước bình quân đối với dịch vụ bưu chính công ích và dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí	Bộ Thông tin và Truyền thông
24.	Thông tư số 20/2016/TT-BTTTT ngày 31/8/2016 hướng dẫn về danh mục dịch vụ, phương thức thực hiện cung ứng dịch vụ, trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong việc quản lý cung ứng	Bộ Thông tin và Truyền thông

	dịch vụ bưu chính công ích và dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí	
25.	Thông tư số 04/2016/TT-BTTTT ngày 05/02/2016 quy định mức giá cước tối đa của dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí	Bộ Thông tin và Truyền thông
26.	Thông tư số 28/2015/TT-BTTTT ngày 02/10/2015 quy định danh mục vùng có điều kiện địa lý đặc biệt áp dụng tần suất thu gom và phát đặc thù trong cung ứng dịch vụ bưu chính công ích	Bộ Thông tin và Truyền thông
27.	Thông tư số 27/2014/TT-BTTTT ngày 30/12/2014 về việc quy định chi tiết về lưu trữ quốc gia đối với tem bưu chính Việt Nam, hồ sơ mẫu thiết kế tem bưu chính Việt Nam và tem bưu chính các giai đoạn trước	Bộ Thông tin và Truyền thông
28.	Thông tư số 26/2014/TT-BTTTT ngày 30/12/2014 về việc quy định chi tiết thi hành Nghị định 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ đối với việc nhập khẩu tem bưu chính	Bộ Thông tin và Truyền thông
29.	Thông tư số 17/2013/TT-BTTTT ngày 2/8/2013 quy định về hoạt động của điểm Bưu điện - Văn hóa xã	Bộ Thông tin và Truyền thông
30.	Thông tư số 22/2012/TT-BTTTT ngày 18/12/2012 quy định về phạm vi dịch vụ bưu chính dành riêng	Bộ Thông tin và Truyền thông
31.	Thông tư số 21/2012/TT-BTTTT ngày 17/12/2012 quy định về hoạt động của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam trong các tổ chức quốc tế về bưu chính	Bộ Thông tin và Truyền thông
32.	Thông tư số 02/2012/TT-BTTTT ngày 15/3/2012 quy định chi tiết về cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính	Bộ Thông tin và Truyền thông
33.	Thông tư số 18/2015/TTLT-BTTTT-BTC ngày 17/7/2015 hướng dẫn xử lý bưu gửi không có người nhận	Bộ Thông tin và Truyền thông
34.	Thông tư số 25/2021/TT-BTTTT ngày 29/12/2021 quy định về tem bưu chính (<i>thay thế Thông tư số 25/2011/TT-BTTTT; Thông tư số 23/2012/TT-BTTTT; Thông tư số 10/2017/TT-BTTTT</i>)	Bộ Thông tin và Truyền thông
35.	Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14/4/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính.	Bộ Tài chính
36.	Thông tư số 56/2019/TT-BCT ngày 23/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 49/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp được chỉ định và Thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế.	Bộ Tài chính

37.	Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính.	Bộ Tài chính
38.	Thông tư 191/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế	Bộ Tài chính
39.	Thông tư 49/2015/TT-BTC ngày 14/4/2015 quy định thủ tục hải quan đối với thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp được chỉ định.	Bộ Tài chính
40.	Thông tư liên tịch số 06/2008/TTLT-BTTTT-BCA ngày 28/11/2008 về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin trong hoạt động bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin	Bộ TT&TT và Bộ Công an
41.	Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BCA-BBCVT ngày 5/5/2006 về việc mở và kiểm tra thư, bưu phẩm, bưu kiện, kiện, gói hàng hóa gửi qua mạng bưu chính công cộng và mạng chuyển phát nhằm phát hiện tội phạm về ma túy	Bộ Công an và Bộ BCVT